

Số: /BC- UBND

Ninh Bình, ngày tháng 4 năm 2026

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng về bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu; đề xuất nội dung về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu

Kính gửi: Bộ Nông nghiệp và Môi trường

Thực hiện Văn bản số 3416/BNNMT-MT ngày 08/4/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc tổng kết Nghị quyết số 24-NQ/TW và đề xuất xây dựng Nghị quyết mới của Trung ương về bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu, UBND tỉnh Ninh Bình báo cáo tổng kết Nghị quyết cụ thể như sau:

Phần thứ nhất

ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI VÀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG VÀ ỨNG PHÓ VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

I. TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN

1. Việc tuyên truyền, quán triệt thực hiện Nghị quyết, đặc biệt kể từ khi Bộ Chính trị ban hành Kết luận số 81-KL/TW

Ngay sau khi Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 03/6/2013 của Ban Chấp hành Trung ương về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường, Kết luận số 56-KL/TW ngày 23/8/2019 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khóa XI về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường, Nghị quyết số 06/NQ-CP ngày 21/01/2021 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW được ban hành, đặc biệt kể từ khi Bộ Chính trị ban hành Kết luận 81-KL/TW, Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy các tỉnh Ninh Bình, Hà Nam và Nam Định trước đây đã chỉ đạo các cấp ủy tổ chức học tập, quán triệt, triển khai thực hiện Nghị quyết, Kết luận trên địa bàn tỉnh bằng nhiều hình thức phù hợp; Ban Thường vụ Tỉnh ủy các tỉnh đã tổ chức hội nghị nghiên cứu, quán triệt, triển khai thực hiện Nghị quyết, Kết luận cho cán bộ chủ chốt cấp tỉnh, cán bộ, đảng viên các đảng bộ, chi bộ trên địa bàn toàn tỉnh.

Các huyện ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc, ban cán sự đảng, đảng đoàn, Ban Thường vụ Tỉnh đoàn đã xây dựng kế hoạch, tổ chức quán triệt, phổ biến nội dung Nghị quyết; vận động cán bộ, đảng viên, hội viên và nhân dân nghiêm túc thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW.

Ban Thường vụ Tỉnh ủy các tỉnh chỉ đạo Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy, Báo, Đài Phát thanh và Truyền hình đẩy mạnh tuyên truyền những nội dung cơ bản của Nghị quyết số 24-NQ/TW cho cán bộ, đảng viên và nhân dân bằng nhiều hình thức phong phú, phù hợp với tình hình thực tế.

Từ công tác tuyên truyền, quán triệt, ý thức của đội ngũ cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức và các tầng lớp nhân dân đã từng bước được nâng lên, hiểu rõ về các chính sách, ý nghĩa, tầm quan trọng của ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường, cùng hành động chung tay ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý khai thác, sử dụng hiệu quả tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường sinh thái và phát triển bền vững.

2. Việc ban hành và triển khai kế hoạch thực hiện Nghị quyết, Kết luận số 81-KL/TW

Việc thể chế hóa các quan điểm, chủ trương Nghị quyết số 24-NQ/TW, Kết luận số 81-KL/TW được Tỉnh ủy, UBND các tỉnh cũ triển khai kịp thời, phù hợp với điều kiện thực tế của tỉnh. Trong đó, tập trung hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu.

- Trước sáp nhập đơn vị hành chính, các tỉnh đã ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW trên địa bàn tỉnh, cụ thể:

+ Tỉnh ủy Ninh Bình đã ban hành Chương trình hành động số 18-CTr/TU ngày 20/8/2013 thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 03/6/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường.

+ Tỉnh ủy Nam Định đã ban hành Chương trình hành động số 14-CTr/TU ngày 22/7/2013 thực hiện Nghị quyết 24-NQ/TW ngày 03/6/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường.

+ Tỉnh ủy Hà Nam đã ban hành Chương trình hành động số 55-CTr/TU ngày 05/8/2013 để triển khai thực hiện Nghị quyết 24-NQ/TW ngày 03/6/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường.

- Sau khi Kết luận số 81-KL/TW ngày 04/6/2024 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khóa XI về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường, các tỉnh đã kịp thời ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện:

+ Tỉnh ủy Ninh Bình đã ban hành Kế hoạch số 424-KH/TU ngày 09/9/2024 thực hiện Kết luận số 81-KL/TW ngày 04/6/2024 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khóa XI về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường

+ Tỉnh ủy Hà Nam ban hành Kế hoạch số 266-KH/TU ngày 11/10/2024 về việc triển khai thực hiện Kết luận số 81-KL/TW ngày 04/6/2024 của Bộ Chính trị

về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khóa XI về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường.

+ Tỉnh ủy Nam Định đã ban hành Kế hoạch 156-KH/TU Ngày 26/7/2024 thực hiện Kết luận 81 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết TW7 khóa XI về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường.

Ngoài ra, các tỉnh đã xây dựng hoàn thiện các văn bản chỉ đạo của tỉnh về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu nhằm cụ thể hóa các chủ trương, chính sách của Trung ương phù hợp với tình hình kinh tế- xã hội của địa phương, đáp ứng được nhiệm vụ của công tác bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh.

- Sau sáp nhập tỉnh, Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh đã quyết liệt chỉ đạo các sở, ban, ngành và UBND các xã, phường xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật, cơ chế, chính sách về môi trường nhằm cụ thể hóa các chính sách của Trung ương phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, đáp ứng được nhiệm vụ của công tác bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh sau khi thực hiện chính quyền địa phương 02 cấp:

+ Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Chỉ thị số 08-CT/TU ngày 12/12/2025 về tăng cường công tác bảo vệ môi trường, chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh Ninh Bình giai đoạn 2026 - 2030.

+ Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết số 36/2025/NQ-HĐND ngày 09/12/2025 quy định cơ chế hỗ trợ kinh phí thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt, rác thải công cộng từ nguồn ngân sách trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

+ UBND tỉnh ban hành: Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/10/2025 quy định đặc điểm kinh tế - kỹ thuật của dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Ninh Bình; Quyết định số 155/2025/QĐ-UBND ngày 06/11/2025 của UBND tỉnh Ninh Bình ban hành Quy định quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Ninh Bình; Quyết định số 188/2025/QĐ-UBND ngày 30/12/2025 của UBND tỉnh quy định quy trình kỹ thuật, định mức kinh tế - kỹ thuật thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt, vệ sinh công cộng trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

+ UBND tỉnh ban hành 02 Kế hoạch: Số 164/KH-UBND ngày 30/12/2025 về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 394/NQ-CP ngày 03/12/2025 của Chính phủ về phát động phong trào toàn dân tham gia bảo vệ môi trường, giảm thiểu phát sinh, phân loại, thu gom, xử lý rác thải vì một Việt Nam sáng - xanh - sạch - đẹp; số 163/KH-UBND ngày 25/12/2025 về triển khai thực hiện hành động quốc gia về khắc phục ô nhiễm và quản lý chất lượng môi trường không khí giai đoạn 2026 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP TRONG NGHỊ QUYẾT SỐ 24-NQ/TW VÀ KẾT LUẬN SỐ 81-KL/TW

2.1. Kết quả thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu đến năm 2025

a) Về bảo vệ môi trường

Đến 31/12/2025, cơ bản đạt được các mục tiêu, chỉ tiêu về bảo vệ môi trường đã đề ra trong Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 03/6/2013 của Ban Chấp hành Trung ương, Nghị quyết 06/NQ-CP ngày 21/01/2021 của Chính phủ.

- Tỷ lệ cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng theo quyết định số 64/QĐ-TTg và Quyết định số 1788/QĐ-TTg được xử lý trên địa bàn tỉnh 92,86%.

- Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt đô thị được thu gom đạt 96 %.

- Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt ở nông thôn được thu gom đạt 91%.

- Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được xử lý bằng hình thức chôn lấp trực tiếp 35,33%.

- Tỷ lệ hộ gia đình phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn đạt 20,7%.

- 98% chất thải rắn nguy hại phát sinh từ hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, cơ sở y tế được thu gom, xử lý.

- Tỷ lệ các KCN đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt 90%.

- Tỷ lệ cụm công nghiệp đang hoạt động có hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung đạt 30,4%.

- 7% tổng lượng nước thải các đô thị loại II trở lên được thu gom, xử lý đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật trước khi xả ra môi trường.

- Tỷ lệ hộ gia đình nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 99,5%. Trong đó, tỷ lệ hộ gia đình nông thôn được sử dụng nước sạch đáp ứng quy chuẩn đạt 90,5%.

- Tỷ lệ che phủ rừng đạt 8,96%.

- Trên địa bàn tỉnh có 02 khu đất ngập nước Ramsar, 01 khu dự trữ sinh quyển được công nhận.

b) Về ứng phó với biến đổi khí hậu (BĐKH)

- Qua các chương trình tập huấn, tuyên truyền hướng dẫn giáo dục, nâng cao nhận thức về ứng phó với BĐKH, hình thành cho mỗi thành viên trong xã hội ý thức chủ động phòng, tránh thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu, chấp hành thực hiện theo hướng dẫn, chỉ đạo của cơ quan Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn của tỉnh, đã giảm thiểu tối đa thiệt hại về người, tài sản do thiên tai gây ra.

Với mục tiêu giảm thiệt hại về người đối với các loại hình thiên tai có cường độ, quy mô tương đương, Ninh Bình đã chủ động di dời, sắp xếp lại các điểm dân cư ở những vùng thường xuyên bị tác động của lũ lụt, bão và những khu vực có nguy cơ xảy ra lũ quét, sạt lở đất: UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 29/KH-UBND ngày 16/02/2022 về triển khai thực hiện đề án “Nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng đến năm 2030” trên địa bàn tỉnh Ninh Bình và triển khai thực hiện.

- Chủ động phòng, chống, hạn chế tác động của xâm nhập mặn do nước biển dâng đối với khu vực ven biển bằng cách vận động người dân chủ động chuyển đổi

ơ cấu giống cây trồng, vật nuôi, điều chỉnh mùa vụ kỹ thuật sản xuất nông nghiệp, ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất. Các công trình khai thác thủy lợi đã chủ động trong điều tiết tưới tiêu, phục vụ công tác nông nghiệp; các nhà máy cung cấp nước sạch đã chủ động thay đổi sử dụng nguồn nước mặt không bị nhiễm mặn để mở rộng mạng lưới, nâng công suất cấp nước cho nhân dân ven biển.

- Ban hành và thực hiện Kế hoạch hành động thực hiện Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu:

UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu tỉnh Ninh Bình giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (Quyết định số 1031/QĐ-UBND ngày 16/9/2021 của UBND tỉnh Ninh Bình (cũ) phê duyệt Kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu tỉnh Ninh Bình giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 1665/QĐ-UBND ngày 12/8/2019 của UBND tỉnh Nam Định (cũ) phê duyệt Kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu tỉnh Nam Định đến năm 2030 và định hướng đến năm 2050; Quyết định số 3025/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND tỉnh Hà Nam (cũ) phê duyệt kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh Hà Nam).

Để triển khai thực hiện Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu theo nội dung Quyết định số 2053/QĐ-TTg ngày 28/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ, UBND tỉnh Ninh Bình đã ban hành Kế hoạch số 80/KH-UBND ngày 11/7/2017 triển khai thực hiện Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu tại địa phương. UBND tỉnh Nam Định (cũ) ban hành Quyết định số 2795/QĐ-UBND ngày 24/11/2020 phê duyệt “Cập nhật Kế hoạch thực hiện Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu tỉnh Nam Định; số 83/KH-UBND ngày 31/8/2017 triển khai Quyết định số 2053/QĐ-TTg ngày 28/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh Nam Định.

2.2. Kết quả thực hiện các nhiệm vụ

2.2.1. Nhiệm vụ chung

- Giảm dần sự phụ thuộc vào nhiên liệu hóa thạch, chuyển mạnh sang phát triển và sử dụng năng lượng sạch, năng lượng tái tạo. Triển khai các dự án đầu tư xanh, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả năng lượng.

Thúc đẩy phương tiện sạch: Đã thực hiện cấp phù hiệu cho 1.307 phương tiện taxi sử dụng năng lượng điện trên tổng số 1.986 phương tiện taxi đang hoạt động trên địa bàn tỉnh. Kiểm soát khí thải phương tiện: Tiếp tục thực hiện công tác quản lý, kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường (ATKT&BVMT) đối với phương tiện giao thông; triển khai kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy bảo đảm tuân thủ tiêu chuẩn khí thải theo lộ trình, nhằm giảm mức tiêu thụ nhiên liệu và phát thải khí nhà kính. Công tác kiểm định được thực hiện nghiêm theo Thông tư số 47/2024/TT-BGTVT ngày 15/11/2024 của Bộ Giao thông Vận tải quy định trình tự, thủ tục kiểm định, miễn kiểm định lần đầu cho xe cơ giới, xe máy chuyên dùng; trình tự, thủ tục chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới cải tạo, xe máy chuyên dùng cải tạo; trình tự, thủ tục kiểm định khí thải

xe mô tô, xe gắn máy. Đồng thời, triển khai tổ chức triển khai Quyết định số 43/2025/QĐ-TTg ngày 28/11/2025 của Thủ tướng Chính phủ quy định lộ trình áp dụng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải xe ô tô tham gia giao thông đường bộ khi Quyết định có hiệu lực. Đặc biệt, việc áp dụng Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về ngăn ngừa ô nhiễm do phương tiện thủy nội địa gây ra (QCVN 17:2011/BGTVT) được thực hiện đúng quy định.

Quản lý phương tiện quá niên hạn sử dụng: Đã triển khai thực hiện Nghị định số 166/2024/NĐ-CP ngày 26/12/2024 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm định xe cơ giới; tổ chức, hoạt động của cơ sở đăng kiểm và niên hạn sử dụng của xe cơ giới, công bố công khai trên Trang thông tin điện tử của mình danh sách các phương tiện hết niên hạn sử dụng thuộc phạm vi quản lý của Sở. Đồng thời, tăng cường kiểm soát khí thải phát sinh từ hoạt động giao thông vận tải trong các lĩnh vực đường bộ, đường thủy nội địa; phối hợp xử lý nghiêm các phương tiện quá niên hạn sử dụng, gây ô nhiễm môi trường.

- Thực hiện lồng ghép mục tiêu ứng phó với biến đổi khí hậu và bảo vệ môi trường trong quy hoạch phát triển các ngành, lĩnh vực và quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh của địa phương.

Thời gian qua, công tác lồng ghép biến đổi khí hậu vào các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch của tỉnh được thực hiện nghiêm túc, góp phần tích cực vào việc đánh giá đúng và đầy đủ thực trạng phát triển kinh tế - xã hội, hạn chế tối đa các tác động tiêu cực do biến đổi khí hậu gây ra đối với quá trình phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ môi trường. Cụ thể như: Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm và hàng năm của tỉnh; Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh, cấp huyện; Quy hoạch bảo vệ môi trường tỉnh, Quy hoạch tài nguyên nước tỉnh, Quy hoạch khai thác cát, Quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học trên địa bàn tỉnh, Quy hoạch mạng lưới quan trắc môi trường tỉnh và trong quá trình xây dựng và thực hiện Kế hoạch phát triển ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn hàng năm,...

Thực hiện tích hợp nội dung đánh giá tình hình, dự báo các nguy cơ tác động của biến đổi khí hậu và đề xuất các phương án ứng phó với biến đổi khí hậu vào quy hoạch tỉnh theo quy định của luật, hướng dẫn của các Bộ, ngành có liên quan và lồng ghép các nhiệm vụ phòng chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội.

2.2.2. Nhiệm vụ cụ thể

a) Về bảo vệ môi trường

* Phòng ngừa và kiểm soát các nguồn gây ô nhiễm môi trường

- Nâng cao năng lực, hiệu quả đánh giá tác động môi trường: Từ năm 2013, 100% các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh đã được thẩm định và phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) trước khi thực hiện đầu tư xây dựng. Công tác thẩm định và phê duyệt ĐTM ngày càng được nâng cao về nội dung và chất lượng (Từ năm 2013 đến hết 2025, toàn tỉnh Ninh Bình thẩm định, phê duyệt 1.605 báo cáo ĐTM, 50 phương án cải tạo, phục hồi môi trường và 894 giấy phép môi trường).

- Tăng cường kiểm soát ô nhiễm môi trường, đặc biệt là ô nhiễm môi trường tại các khu, cụm công nghiệp, tụ điểm khai thác, chế biến khoáng sản, các làng nghề, lưu vực sông, các đô thị lớn và khu vực nông thôn.

+ 90% các KCN đang hoạt động đã xây dựng trạm xử lý nước thải tập trung và thực hiện thu gom, xử lý nước thải đạt cột A - QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn về nước thải công nghiệp và đã lắp đặt hệ thống quan trắc tự động đối với nước thải, truyền dữ liệu về sở Nông nghiệp và Môi trường.

+ Hiện có 14/46 CCN có hệ thống nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường (đạt 30,4%), trong đó 100% CCN đầu tư mới từ năm 2013 có trạm xử lý nước thải tập trung đạt quy chuẩn trước khi xả thải ra môi trường. Trong quá trình hoạt động các doanh nghiệp đã thực hiện các giải pháp bảo vệ môi trường nhằm giảm thiểu ô nhiễm như: xây dựng hệ thống thu thoát nước; xây dựng hệ thống xử lý nước thải, khí thải; chất thải rắn được thu gom, lưu giữ và ký hợp đồng với đơn vị có chức năng để vận chuyển, xử lý. Các cơ sở công nghiệp nằm ngoài Khu, Cụm công nghiệp và cơ sở nằm trong CCN chưa có trạm xử lý nước thải tập trung có hệ thống thu gom và xử lý nước thải đạt quy chuẩn môi trường...

+ 100% khu đô thị mới, khu nhà ở mới trong nội dung phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường, kế hoạch bảo vệ môi trường hoặc giấy phép môi trường có phương án xây dựng trạm xử lý nước thải tập trung hoặc có phương án thu gom nước thải về trạm xử lý nước thải tập trung theo quy hoạch.

+ Từng bước giảm thiểu ô nhiễm môi trường sông Nhuệ: Tần suất các đợt ô nhiễm trong 02 năm gần đây đã có xu hướng giảm.

+ 100% các cơ sở phát sinh khí thải có công trình thu gom, xử lý; trong đó 90% nguồn khí thải công nghiệp được xử lý đạt quy chuẩn môi trường.

+ Giảm thiểu ô nhiễm không khí do hoạt động khai thác, sản xuất vật liệu xây dựng khu vực phía Tây sông Đáy: Từng bước giảm thiểu ô nhiễm môi trường khu vực Tây sông Đáy.

- Kiểm soát chất lượng không khí ở khu vực đô thị, thành phố có mật độ dân cư cao: Ninh Bình đã ban hành nhiều văn bản chỉ đạo về quản lý chất lượng môi trường không khí, đặc biệt là môi trường không khí khu vực khai thác, chế biến khoáng sản (tập trung khu vực phía Tây sông Đáy). Thực hiện đánh giá hiện trạng môi trường không khí trên địa bàn tỉnh, triển khai quan trắc hiện trạng môi trường tỉnh theo mạng lưới đã được phê duyệt. Trước khi sáp nhập, 03 tỉnh đều ban hành Kế hoạch quản lý chất lượng môi trường không khí giai đoạn 2021 - 2025 theo Quyết định số 1973/QĐ-TTg ngày 23/11/2021 của Thủ tướng chính phủ phê duyệt Kế hoạch quốc gia về chất lượng môi trường không khí giai đoạn 2021 - 2025. Thực hiện Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, tỉnh Hà Nam và Nam Định đã ban hành Kế hoạch quản lý chất lượng môi trường không khí trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2025 - 2030. Hiện nay, tỉnh Ninh Bình đang tổ chức xây dựng Kế hoạch quản lý chất lượng môi trường không khí trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2025 - 2030 trên cơ sở tích hợp Kế hoạch của 02 tỉnh Hà Nam, Nam Định trước sáp nhập.

- + Nâng cao chất lượng kiểm định khí thải các phương tiện tham gia giao thông.
- + Tăng cường trồng cây xanh tại khu đô thị, khu dân cư.
- + Nghiêm cấm đốt rơm rạ, đốt rác thải sinh hoạt trong khu dân cư.

- Thực hiện các chương trình, dự án đầu tư xử lý nước thải, nhất là nước thải chứa kim loại nặng, chất phóng xạ, nước thải y tế, nước thải công nghiệp, nước thải chế biến nông, lâm, hải sản, nước thải sinh hoạt đô thị:

+ Đầu tư các trạm xử lý nước thải sinh hoạt tập trung theo quy hoạch để thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt của các khu dân cư trên địa bàn tỉnh (*Hiện nay khu vực đô thị trên địa bàn tỉnh có 04 trạm xử lý nước thải tập trung đang hoạt động hoặc đã đầu tư xây dựng*).

+ Đầu tư mạng lưới thu gom nước thải sinh hoạt từ các khu dân cư về trạm xử lý tập trung.

+ Yêu cầu các KCN xây dựng, vận hành thường xuyên công trình xử lý nước thải tập trung, lắp đặt và truyền dữ liệu hệ thống quan trắc tự động đối với nước thải.

+ Yêu cầu các cơ sở sản xuất, kinh doanh ngoài KCN, CCN (có hệ thống xử lý nước thải tập trung) phải đầu tư xây dựng trạm xử lý nước thải đạt quy chuẩn trước khi xả thải ra môi trường.

+ Đôn đốc các cơ sở y tế xây dựng, vận hành thường xuyên trạm xử lý nước thải đạt quy chuẩn trước khi xả thải ra môi trường.

- Kiểm soát ô nhiễm từ sản xuất nông nghiệp: Chất thải trong hoạt động nông nghiệp trên địa bàn tỉnh chủ yếu là phụ phẩm cây trồng, chất thải chăn nuôi, bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng. Các loại chất thải khác như: màng bọc trái cây, màng phủ đất... khối lượng ít và thường được thu gom, xử lý cùng chất thải rắn sinh hoạt.

+ Các địa phương trên địa bàn tỉnh đã lắp đặt các bể chứa bao gói thuốc bảo vệ thực vật trên các cánh đồng. Các xã đã bố trí kinh phí để hợp đồng với đơn vị chức năng để vận chuyển, xử lý bao gói thuốc bảo vệ thực vật. Tuy nhiên, hiện nay một số địa phương chưa có bể chứa thu gom bao bì vật tư nông nghiệp sau khi sử dụng nên vẫn còn tình trạng bao bì vứt bừa bãi trên đồng ruộng hoặc được thu gom cùng với rác thải sinh hoạt gây ô nhiễm môi trường.

+ Các loại phụ phẩm cây trồng như rơm rạ, thân, lá các loại cây trồng khác về cơ bản đã được thu gom, tái sử dụng cho các mục đích như: Sử dụng làm phân hữu cơ, trồng nấm và các mục đích khác; đặc biệt là việc sử dụng máy cuộn rơm trong việc thu gom rơm rạ tại các huyện, thành phố đã cơ bản khắc phục được tình trạng đốt rơm rạ hoặc vứt bỏ rơm rạ tại kênh mương, đường giao thông,... sau các vụ thu hoạch.

+ Đối với chất thải trong chăn nuôi: Chất thải trong chăn nuôi gia cầm chủ yếu là các chất độn chuồng bao gồm phân và trấu được xử lý bằng men vi sinh để khử mùi hôi của chất độn chuồng, sau mỗi lứa nuôi đều được thu gom và làm phân bón cho cây trồng. Đối với chất thải trong chăn nuôi trâu, bò, lợn: chất thải chăn nuôi của các trường hợp chăn nuôi nhỏ lẻ được thu gom, ủ theo phương pháp

truyền thống làm phân bón cho cây trồng, đối với các hộ chăn nuôi số lượng lớn đã chủ động xây bể biogas và hệ thống xử lý nước thải để xử lý chất thải hoặc hợp đồng với đơn vị thu mua để làm phân bón cho cây trồng. Tuy nhiên, vẫn còn nhiều trường hợp chăn nuôi nhỏ lẻ trong các khu dân cư không đảm bảo các quy định về môi trường gây ảnh hưởng đến người dân xung quanh.

- Thực hiện các chương trình, dự án đầu tư xử lý nước thải, nhất là nước thải chứa kim loại nặng, chất phóng xạ, nước thải y tế, nước thải công nghiệp, nước thải chế biến nông, lâm, hải sản, nước thải sinh hoạt đô thị

+ Đầu tư các trạm xử lý nước thải sinh hoạt tập trung theo quy hoạch để thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt của các khu dân cư trên địa bàn tỉnh (Hiện nay khu vực đô thị trên địa bàn tỉnh có 04 trạm xử lý nước thải tập trung đang hoạt động hoặc đã đầu tư xây dựng nhưng chưa đầu tư hệ thống thu gom nước thải về để xử lý).

+ Đầu tư mạng lưới thu gom nước thải sinh hoạt từ các khu dân cư về trạm xử lý tập trung.

+ Yêu cầu các KCN xây dựng, vận hành thường xuyên công trình xử lý nước thải tập trung, lắp đặt và truyền dữ liệu hệ thống quan trắc tự động đối với nước thải.

+ Yêu cầu các cơ sở sản xuất, kinh doanh ngoài KCN, CCN (có hệ thống xử lý nước thải tập trung) phải đầu tư xây dựng trạm xử lý nước thải đạt quy chuẩn trước khi xả thải ra môi trường.

+ Đôn đốc các cơ sở y tế xây dựng, vận hành thường xuyên trạm xử lý nước thải đạt quy chuẩn trước khi xả thải ra môi trường.

- Công tác xử lý chất thải rắn, quản lý chất thải nguy hại; Xây dựng hạ tầng phân loại, thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt. Thúc đẩy tái sử dụng, tái chế và sản xuất, thu hồi năng lượng từ chất thải; đẩy mạnh xử lý kết hợp thu hồi năng lượng, hạn chế chôn lấp; giảm thiểu rác thải nhựa.

+ Đôn đốc các nhà máy xử lý chất thải rắn sinh hoạt duy trì hoạt động ổn định, vận hành thường xuyên các công trình BVMT trong quá trình hoạt động. Có kế hoạch nâng công suất xử lý đảm bảo xử lý toàn bộ lượng rác thải phát sinh.

+ 100% các cơ sở sản xuất, kinh doanh đã tổ chức thực hiện phân định, phân loại, thu gom, lưu giữ và xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại theo các quy định của luật bảo vệ môi trường.

+ Đôn đốc các nhà máy xi măng, các đơn vị xử lý chất thải rắn sinh hoạt xây dựng phương án lắp đặt hệ thống thu hồi nhiệt để phát điện (hiện nay có 02 nhà máy xi măng được cấp giấy phép môi trường đồng xử lý chất thải sinh hoạt, chất thải công nghiệp, chất thải nguy hại trong quá trình sản xuất: Công ty xi măng Vicem Bút Sơn, Công ty xi măng Thành Thắng Group).

- Công tác xã hội hóa hoạt động bảo vệ môi trường, thúc đẩy phát triển, sử dụng năng lượng mới, năng lượng sạch, năng lượng tái tạo, sản xuất và tiêu dùng bền vững: Việc huy động xã hội hóa cho công tác BVMT trên địa bàn tỉnh chủ yếu tập trung vào công tác thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt; đầu tư, xây dựng hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung các khu, cụm công nghiệp.

Tỉnh Ninh Bình cũ:

+ Hoạt động thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt có sự tham gia của nhiều tổ chức, cá nhân giúp tạo môi trường cạnh tranh, nâng cao chất lượng dịch vụ, giảm thiểu chi phí đầu tư từ ngân sách nhà nước cho các trang thiết bị thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt. Đến nay, ngoài các Công ty môi trường đô thị và Trung tâm vệ sinh môi trường đô thị tại các huyện, thành phố còn có 16 tổ chức, cá nhân tham gia thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt của các xã, phường còn lại trên địa bàn tỉnh.

+ Năm 2023, tỉnh đã thu hút đầu tư dự án Nhà máy điện rác Ninh Bình công suất xử lý là 500 tấn/ngày, tổng vốn đầu tư là 1.421,28 tỷ đồng. Khi dự án đi vào hoạt động sẽ giúp giảm tải cho các cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh, giảm khối lượng chất thải phải chôn lấp.

Tỉnh Hà Nam cũ:

+ Giai đoạn 2016 - 2021: Bố trí cho lĩnh vực bảo vệ môi trường số tiền 3.469 triệu đồng từ nguồn ngân sách tỉnh cho Dự án xây dựng trạm xử lý nước thải tập trung công suất 2.500 m³/ngày đêm xử lý nước thải thành phố Phủ Lý.

+ Giai đoạn 2022 - 2024: Bố trí cho lĩnh vực bảo vệ môi trường số tiền 522 triệu đồng từ nguồn ngân sách tỉnh cho Dự án cải tạo, nâng cấp bãi chôn lấp rác thải hợp vệ sinh của tỉnh tại xã Thanh Thủy, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam.

Tỉnh Nam Định cũ:

+ Các khu xử lý rác thải được xã hội hóa chuyển giao cho các đơn vị tư nhân quản lý vận hành hoạt động hầu hết được thực hiện trên diện tích khu xử lý rác thải cũ của địa phương. Cụ thể: Dự án “Nhà máy xử lý chất thải, tái chế phế liệu Nam Giang” do Công ty TNHH MTV Môi trường xanh Nam Trực thực hiện tại thị trấn Nam Giang, huyện Nam Trực; “Khu liên hợp xử lý rác thải phía Bắc huyện Trực Ninh” do Công ty TNHH Môi trường đô thị Trực Ninh thực hiện tại thị trấn Cổ Lễ... Ngoài ra các địa phương khác trên địa bàn tỉnh (nhất là khu vực nông thôn) UBND các xã giao cho Hợp tác xã dịch vụ tổ chức thu gom, vận chuyển, xử lý. Công ty CP Môi trường xanh Rạng Đông thực hiện thu gom và xử lý rác thải sinh hoạt và phụ phẩm nông nghiệp thành phân hữu cơ tại xã Phúc Thắng huyện Nghĩa Hưng. So với giai đoạn năm 2016 - 2021, tăng 01 đơn vị xã hội hóa.

+ Ngoài ra, trong quá trình xây dựng nông thôn mới, UBND các huyện đã huy động sự đóng góp xã hội hóa của các tập thể, cá nhân, góp phần tạo cho diện mạo nông thôn mới ngày càng khang trang, sạch, đẹp, đời sống vật chất, tinh thần của người dân ngày càng nâng lên; hạ tầng kinh tế - xã hội được quan tâm đầu tư đồng bộ theo quy hoạch. như: Huyện Xuân Trường trong 3 năm tổng nguồn kinh phí xã hội hóa đã huy động cho việc thực hiện tiêu chí môi trường là 41.430.821.000 đồng.

Việc huy động các nguồn vốn xã hội hóa cho công tác bảo vệ môi trường giúp nâng cao năng lực bảo vệ môi trường, giảm chi phí đầu tư từ ngân sách nhà nước, giúp giảm gánh nặng quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường.

* Khắc phục ô nhiễm, cải thiện chất lượng môi trường và điều kiện sống của người dân, hạn chế tác động do ô nhiễm môi trường đến sức khỏe của nhân dân

- Thực hiện cải thiện chất lượng môi trường sống, cung cấp nước sạch và dịch vụ vệ sinh môi trường cho người dân, đặc biệt là ở các đô thị, khu, cụm công nghiệp, làng nghề, khu vực nông thôn, vùng sâu, vùng xa, hải đảo, vùng đặc biệt khó khăn. Tỷ lệ hộ gia đình nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 99,5%. Trong đó, tỷ lệ hộ gia đình nông thôn được sử dụng nước sạch đáp ứng Quy chuẩn đạt 90,5%.

- Việc xử lý triệt để, dứt điểm các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng; áp dụng chế tài mạnh, xử lý nghiêm khắc, buộc các cơ sở gây ô nhiễm môi trường thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường, giảm thiểu ô nhiễm, xử lý chất thải theo quy định của pháp luật.

Từ năm 2014 đến nay, trên địa bàn tỉnh Ninh Bình không phát sinh thêm các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng. Theo Quyết định số 64/2003/QĐ-TTg ngày 22/4/2003 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt kế hoạch xử lý triệt để các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng và Quyết định số 1788/QĐ-TTg ngày 01/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch xử lý triệt để các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng đến năm 2020, hiện nay đã triển khai thực hiện như sau:

Trên địa bàn tỉnh Nam Định (cũ) có 22 cơ sở ô nhiễm môi trường nghiêm trọng theo Quyết định 64/2003/QĐ-TTg và Quyết định số 1788/QĐ-TTg. Đến hết năm 2018, 100% các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng đã được hoàn thành xử lý triệt để và được xác nhận ra khỏi Quyết định 64/2003/QĐ-TTg và Quyết định 1788/QĐ-TTg.

Trên địa bàn tỉnh Ninh Bình cũ có 10 cơ sở ô nhiễm môi trường nghiêm trọng theo Quyết định 64/2003/QĐ-TTg và Quyết định 1788/QĐ-TTg. Đến nay, có 9/10 đơn vị đã hoàn thành việc xử lý và được Bộ Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài nguyên và Môi trường chứng nhận hoàn thành xử lý ô nhiễm môi trường nghiêm trọng. Còn 01 cơ sở là Bãi rác thung Quèn Khó (*đã được UBND tỉnh Ninh Bình phê duyệt chủ trương đầu tư Dự án xử lý, cải tạo, phục hồi môi trường bãi rác thung Quèn Khó, thành phố Tam Điệp tại Quyết định số 1681/QĐ-UBND ngày 14/12/2018 với tổng mức đầu tư là 45,0 tỷ đồng bằng nguồn vốn ngân sách Trung ương từ chương trình mục tiêu xử lý triệt để các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng thuộc đối tượng công ích, thời gian thực hiện 2018 - 2020*).

Trên địa bàn tỉnh Hà Nam cũ có 10 cơ sở ô nhiễm môi trường nghiêm trọng theo Quyết định 64/2003/QĐ-TTg và Quyết định 1788/QĐ-TTg. Đến nay 07/10 cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng đã được hoàn thành xử lý triệt để và được xác nhận ra khỏi Quyết định 64/2003/QĐ-TTg và Quyết định 1788/QĐ-TTg. Còn 03 cơ sở chưa hoàn thành xử lý triệt để là làng nghề dệt nhuộm Nha Xá (*đã phê duyệt dự án đầu tư nhưng chưa được thực hiện*), Bệnh viện đa khoa Nam Lý (*UBND tỉnh Hà Nam (cũ) đã chỉ đạo các sở, ngành có liên quan xây dựng đề án*

xử lý nước thải cho bệnh viện. Tuy nhiên phương án đề xuất đầu tư xây dựng hệ thống xử lý nước thải do Bệnh viện đa khoa Nam Lý báo cáo chưa phù hợp với quy mô thực tế của cơ sở), lượng rác tồn đọng khoảng 60.000 tấn tại thung Đám Gai (đã đề xuất dự án xử lý nhưng chưa được phê duyệt).

- Việc phục hồi môi trường sau khai thác khoáng sản:

Thường xuyên đôn đốc các cơ sở khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh tổ chức thực hiện các thủ tục môi trường, trong đó có nội dung cải tạo, phục hồi môi trường. Cơ bản các mỏ khai thác khoáng sản đều có thủ tục cải tạo, phục hồi môi trường và ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường theo quy định của pháp luật. Các mỏ thực hiện đóng cửa mỏ, cải tạo phục hồi môi trường sau khi kết thúc khai thác.

Để giảm thiểu nguy cơ gây ô nhiễm môi trường, Ban thường vụ Tỉnh ủy Hà Nam (trước đây) đã ban hành Chương trình số 28-CTr/TU ngày 30/6/2021 của Tỉnh ủy về xử lý ô nhiễm môi trường khu vực Tây sông Đáy, UBND tỉnh đã chỉ đạo các sở, ngành, địa phương triển khai nhiều giải pháp như: Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát; yêu cầu các tổ chức/cá nhân thực hiện nghĩa vụ đóng cửa mỏ, hoàn nguyên môi trường đối với các khu vực, dự án đã hết hạn giấy phép khai thác; yêu cầu các tổ chức/cá nhân thực hiện nghĩa vụ ký quỹ cải tạo phục hồi môi trường theo phương án cải tạo phục hồi môi trường đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

* Bảo vệ, phát triển rừng, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học

- Công tác quản lý nhà nước về lâm nghiệp tiếp tục được củng cố, kiện toàn; hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, cơ chế, chính sách về quản lý, bảo vệ rừng từng bước được hoàn thiện, tạo hành lang pháp lý đầy đủ cho tổ chức thực hiện.

- Diện tích rừng được duy trì ổn định, chất lượng rừng từng bước được nâng cao; tỷ lệ che phủ rừng cơ bản đạt và duy trì theo mục tiêu đề ra.

- Công tác bảo vệ rừng được tăng cường; lực lượng kiểm lâm phối hợp chặt chẽ với các lực lượng có liên quan, chính quyền địa phương và chủ rừng trong công tác tuần tra, kiểm tra, bảo vệ rừng tại gốc, nhất là các khu vực rừng đặc dụng, khu vực rừng phòng hộ, rừng tiếp giáp với các hộ dân, các khu nuôi trồng thủy hải sản, các khu mỏ, kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật. Số vụ vi phạm pháp luật về rừng và lâm sản có xu hướng giảm qua các năm.

- Công tác phòng cháy, chữa cháy rừng được triển khai chủ động; phương án phòng cháy, chữa cháy rừng được xây dựng, cập nhật thường xuyên; năng lực dự báo, cảnh báo nguy cơ cháy rừng từng bước được nâng cao, thường trực lực lượng và phương tiện chữa cháy rừng trong những ngày nắng nóng, hanh khô kéo dài góp phần hạn chế thiệt hại do cháy rừng gây ra.

- Công tác bảo tồn thiên nhiên

+ Hệ thống các khu bảo tồn thiên nhiên, khu dự trữ sinh quyển, khu Ramsar, hành lang đa dạng sinh học được duy trì và từng bước củng cố, nâng cao hiệu quả quản lý. Công tác rà soát, đề xuất mở rộng, thành lập mới các khu bảo tồn được

quan tâm thực hiện. Hiện tại, trên địa bàn tỉnh đang triển khai thành lập mới khu bảo tồn loài sinh cảnh Voọc mông trắng tại Kim Bảng – Hà Nam (trước đây).

+ Công tác quản lý khu bảo tồn có chuyển biến tích cực theo hướng chuyên nghiệp, từng bước tiếp cận các chuẩn mực quốc tế; tăng cường phân cấp, giao quyền cho ban quản lý khu bảo tồn gắn với trách nhiệm giải trình.

+ Việc quản lý vùng đệm khu bảo tồn được chú trọng; các mô hình sinh kế bền vững, thân thiện với môi trường được triển khai, góp phần giảm áp lực khai thác tài nguyên thiên nhiên.

+ Công tác phục hồi hệ sinh thái tự nhiên, đặc biệt là hệ sinh thái rừng, đất ngập nước được triển khai thông qua các chương trình, dự án bảo tồn, góp phần cải thiện chức năng sinh thái và nâng cao khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Công tác bảo tồn đa dạng sinh học

+ Công tác điều tra, kiểm kê, quan trắc đa dạng sinh học từng bước được tăng cường; cơ sở dữ liệu về đa dạng sinh học được xây dựng và cập nhật phục vụ công tác quản lý.

+ Các loài động vật hoang dã, thực vật nguy cấp, quý, hiếm được quan tâm bảo vệ; nhiều chương trình, dự án bảo tồn loài và sinh cảnh được triển khai hiệu quả.

+ Công tác kiểm soát săn bắt, buôn bán, vận chuyển trái phép động vật hoang dã được tăng cường; nhận thức của cộng đồng về bảo vệ động vật hoang dã từng bước được nâng cao.

+ Công tác quản lý sinh vật ngoại lai xâm hại được chú trọng; từng bước kiểm soát, ngăn chặn sự xâm nhập và phát tán của các loài ngoại lai có nguy cơ gây hại.

+ Hoạt động bảo tồn nguồn gen được quan tâm, góp phần bảo tồn và phát triển các giống cây trồng, vật nuôi bản địa có giá trị kinh tế và sinh thái.

+ Đang triển khai thực hiện dự án thành lập “Khu bảo tồn loài - sinh cảnh Voọc mông trắng Kim Bảng” với diện tích là 3.182,00 ha thuộc các phường: Nguyễn Úy, Tam Chúc và Lý Thường Kiệt, với mục tiêu rà soát, hoàn thiện Dự án thành lập “Khu bảo tồn loài - sinh cảnh Voọc mông trắng Kim Bảng” trên địa bàn tỉnh Ninh Bình, nhằm bảo tồn và phát triển loài Voọc mông trắng, một loài linh trưởng quý hiếm và nguy cấp của thế giới, góp phần đạt được mục tiêu chung của Chính phủ trong đề án khẩn cấp bảo tồn các loài linh trưởng ở Việt Nam đến năm 2025, tầm nhìn 2030, phù hợp chiến lược phát triển du lịch sinh thái, kinh tế - xã hội của tỉnh và quốc gia.

b) Về ứng phó với biến đổi khí hậu

* Xây dựng năng lực dự báo, cảnh báo, chủ động phòng, tránh và giảm nhẹ thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu

- Chuyển đổi cơ cấu, giống cây trồng, vật nuôi, điều chỉnh mùa vụ, kỹ thuật sản xuất nông nghiệp thích ứng với biến đổi khí hậu. Tăng cường kiến thức, nâng cao năng lực thích ứng, bảo đảm sinh kế cho người dân những vùng có nguy cơ bị ảnh hưởng nặng nề của biến đổi khí hậu, vùng thường xuyên bị tác động của thiên tai.

Triển khai các nhiệm vụ đổi mới hình thức tổ chức sản xuất trong nông nghiệp; quy hoạch vùng sản xuất tập trung, phát triển nông nghiệp hàng hóa quy mô lớn theo hướng hiện đại, ứng dụng công nghệ cao và tiến bộ khoa học - kỹ thuật; đồng thời thúc đẩy phát triển chuỗi giá trị nông nghiệp, gắn với chế biến, bảo quản nông sản sau thu hoạch.

Toàn tỉnh hiện có 855 trang trại (theo tiêu chí Thông tư số 02/2020/TT-BNNPTNT). Phát triển kinh tế trang trại góp phần sử dụng hiệu quả đất đai, thúc đẩy chuyển đổi cơ cấu kinh tế nông nghiệp theo hướng tăng tỷ trọng sản xuất hàng hóa, từng bước hình thành các vùng sản xuất tập trung, thích ứng tốt hơn với BĐKH.

Liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị được quan tâm, đẩy mạnh. Tỉnh đã hỗ trợ xây dựng và phát triển 123 chuỗi liên kết sản xuất, chế biến, tiêu thụ và cung ứng thực phẩm nông, lâm, thủy sản an toàn, bao gồm: 03 chuỗi thủy sản, 48 chuỗi các sản phẩm trồng trọt, 03 chuỗi sản xuất, chế biến các loại muối, 13 chuỗi sản phẩm chăn nuôi, 56 chuỗi chế biến sâu. Đồng thời tập trung khuyến khích tích tụ ruộng đất để hình thành các cánh đồng lớn, vùng sản xuất hàng hóa (vùng nguyên liệu) tập trung. Đến nay toàn tỉnh đã có 500 mô hình “Cánh đồng lớn” với 279 vùng nguyên liệu được cấp mã số vùng trồng với tổng diện tích 7.533,35 ha; có 02 vùng ngao được chứng nhận áp dụng nuôi ngao bền vững theo tiêu chuẩn quốc tế ASC (vùng Nghĩa Hưng (cũ) 500 ha và vùng Kim Sơn (cũ) 1189 ha) đủ điều kiện cung cấp nguyên liệu cho chế biến xuất khẩu.

Tập trung thực hiện các giải pháp thu hút doanh nghiệp đầu tư phát triển công nghiệp chế biến. Hiện nay, toàn tỉnh có 5.100 cơ sở/doanh nghiệp/HTX sản xuất, thu gom, sơ chế, chế biến nông sản, thủy sản thực phẩm. Nhiều nhà máy chế biến được đầu tư đồng bộ, hiện đại, góp phần giảm tổn thất sau thu hoạch, nâng cao giá trị của sản phẩm, tăng khả năng chống chịu trước các tác động của BĐKH.

Ngành chế biến muối tiếp tục được củng cố và phát triển với 15 doanh nghiệp, năng lực chế biến gần 100 ngàn tấn/năm, với 50 dòng sản phẩm muối và sản phẩm từ muối. Ninh Bình trở thành một trong những địa phương có sản lượng chế biến muối lớn của miền Bắc; cung cấp cho ngành công nghiệp thực phẩm, tiêu dùng trong nước và xuất khẩu sang thị trường Nhật Bản.

Hoạt động xúc tiến thương mại được tổ chức thường xuyên, đa dạng về hình thức; chú trọng hỗ trợ phát triển thị trường nông sản truyền thống gắn với mở rộng các kênh bán hàng online, các sàn Thương mại điện tử. Đến nay, tỉnh đã hỗ trợ 200 cơ sở với trên 400 dòng sản phẩm tham gia cung ứng trên các trang thương mại điện tử Voso.vn, shopee, tiktok, lazada,... góp phần mở rộng thị trường tiêu thụ và giảm rủi ro trong tiêu thụ nông sản.

Các địa phương trên địa bàn tỉnh tích cực áp dụng cơ giới hóa trong nông nghiệp vào sản xuất. Hiện nay, toàn tỉnh có khoảng 46.241 máy phục vụ sản xuất nông nghiệp và chế biến nông sản, thủy sản. Trong đó: Lĩnh vực trồng trọt có 39.500 máy, tỷ lệ cơ giới hóa khâu làm đất trên 99%, khâu cấy 25%, khâu phun thuốc bảo vệ thực vật bằng thiết bị bay không người lái 10%, khâu thu hoạch 96%;

lĩnh vực chăn nuôi có 2.328 máy; lĩnh vực thủy sản có 2.203 máy; lĩnh vực chế biến nông sản có 2.210 máy. Áp dụng cơ giới hóa trong sản xuất nông nghiệp không chỉ nâng cao năng suất, hiệu quả kinh tế mà còn góp phần giảm phát thải, tiết kiệm tài nguyên, bảo vệ môi trường và thúc đẩy phát triển nông nghiệp bền vững trong bối cảnh biến đổi khí hậu hiện nay.

Một số mô hình xây dựng và áp dụng sản xuất hướng hữu cơ, thân thiện với môi trường:

+ Gạo sinh thái ruộng rươi, Gạo Toàn Xuân 999 (Công ty TNHH Toàn Xuân) - đạt OCOP 5 sao, tiêu biểu cho mô hình sản xuất gắn với bảo vệ hệ sinh thái tự nhiên.

+ Trà thảo mộc Ogatea, Trà gừng đen Ogatea (Công ty CP Dược liệu Hải Hậu), Trà hoa vàng Vũ Gia, Cao đỉnh lãng, Trà hoa vàng Mạn Hảo - hướng tới sản xuất dược liệu hữu cơ, giảm phụ thuộc hóa chất.

+ HTX Sinh Dược với sản phẩm Muối ngâm chân, Tranh lá bồ đề, là mô hình tái sử dụng phụ phẩm, thân thiện môi trường, xuất khẩu sang nhiều thị trường Châu Á.

+ Công ty Cổ phần thực phẩm Á Châu, HTX nấm và dược liệu Khánh Công, HTX dược liệu Đông Sơn, HTX sản xuất và tiêu thụ nông sản Khánh Thành - phát triển chuỗi chế biến sâu, tiết kiệm năng lượng, giảm phát thải.

- Ưu tiên đầu tư hoàn thiện hệ thống hạ tầng ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng, chống thiên tai

Thực hiện Quyết định số 438/QĐ-TTg ngày 25/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ về triển khai Đề án "Phát triển các đô thị Việt Nam ứng phó với biến đổi khí hậu giai đoạn 2021 - 2030", UBND tỉnh Nam Định (cũ) đã ban hành Kế hoạch số 141/KH-UBND ngày 14/12/2021, xây dựng đề xuất dự án Phát triển cơ sở hạ tầng đô thị thích ứng biến đổi khí hậu tại thành phố Nam Định (vay vốn ADB) trong đó ưu tiên thực hiện các giải pháp tăng cường năng lực thoát nước, giảm úng ngập; loại bỏ nguy cơ gây ô nhiễm nguồn nước thuộc khu vực sông Đào và hạ lưu sông Hồng, sông Đáy; bảo vệ môi trường nước và giảm ô nhiễm môi trường, góp phần phát triển đô thị bền vững thích ứng biến đổi khí hậu; tham gia nghiên cứu, góp ý báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án Nâng cấp giao thông địa phương hiệu quả và thích ứng biến đổi khí hậu - tỉnh Nam Định, sử dụng vốn vay Ngân hàng Thế giới và báo cáo hậu kỳ dự án thích ứng biến đổi khí hậu tại tỉnh Ninh Bình (dự án Xây dựng âu Kim Đài phục vụ ngăn mặn, giữ ngọt và thích ứng với nước biển dâng cho 06 huyện, thành phố khu vực Nam Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình).

* Đẩy mạnh các biện pháp phòng, chống, hạn chế tác động do thiên tai và BĐKH

- Công tác di dời, tái định cư cho người dân ở các khu vực có nguy cơ rủi ro thiên tai cao do lũ lụt, bão và những khu vực có nguy cơ xảy ra lũ quét, sạt lở đất; chú trọng chăm sóc sức khỏe nhân dân trong các vùng bị tác động mạnh của biến đổi khí hậu. Phát huy trách nhiệm và huy động các doanh nghiệp, cộng đồng dân cư tích cực tham gia phòng, tránh, giảm nhẹ thiên tai, ứng phó với BĐKH.

Thực hiện Quyết định số 896/QĐ-TTg ngày 26/7/2022 của Thủ tướng Chính phủ về bảo đảm an toàn tính mạng và tài sản của người dân trước tác động của thiên tai và biến đổi khí hậu, trong giai đoạn 2022 - 2025, tỉnh Ninh Bình đã tập trung rà soát, đánh giá hiện trạng các khu vực dân cư có nguy cơ cao chịu ảnh hưởng của sạt lở đất, ngập lụt, xâm nhập mặn và các hiện tượng thời tiết cực đoan làm cơ sở phục vụ công tác phòng ngừa, ứng phó với BĐKH.

Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước để vận động các hộ dân vùng nguy cơ thiên tai cao, đối với các dự án đã hoàn thành xây dựng cơ bản, thực hiện di chuyển vào khu tái định cư nhằm đảm bảo an toàn, ổn định đời sống và phát triển sản xuất. Tuy nhiên, giai đoạn 2022 - 2025, do chưa được bố trí nguồn vốn thực hiện từ ngân sách Trung ương và địa phương cho lĩnh vực bố trí, sắp xếp dân cư theo Chiến lược quốc gia về biến đổi khí hậu, nên trên địa bàn tỉnh chưa triển khai các dự án bố trí, sắp xếp dân cư tập trung phục vụ trực tiếp mục tiêu di dời, ổn định dân cư ra khỏi vùng chịu tác động của biến đổi khí hậu.

Mặc dù chưa triển khai dự án đầu tư chuyên biệt, nhưng Ninh Bình đã chủ động lồng ghép nội dung bảo đảm an toàn dân cư vào các chương trình, kế hoạch liên quan như phòng, chống thiên tai, xây dựng nông thôn mới, quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch khu dân cư nông thôn; đồng thời tăng cường tuyên truyền, hướng dẫn người dân chủ động phòng ngừa, ứng phó với thiên tai nhằm hạn chế thấp nhất thiệt hại do biến đổi khí hậu gây ra.

- Thực hiện chương trình nâng cấp, bảo đảm an toàn các hồ chứa nước, nhất là ở khu vực miền Trung, Tây Nguyên, trung du miền núi phía Bắc. Nâng cấp các đoạn đê biển, đê sông xung yếu, xây dựng cống ngăn mặn, giữ ngọt. Bảo vệ, đẩy mạnh phục hồi, trồng rừng ngập mặn, rừng phòng hộ ven biển, rừng phòng hộ đầu nguồn.

+ Tỉnh Hà Nam (cũ): Trong năm 2024, phê duyệt chủ trương đầu tư 02 dự án thuộc lĩnh vực nông nghiệp, thủy lợi với tổng kinh phí 190.000 triệu đồng, cụ thể:

Dự án cải tạo, nâng cấp trạm bơm Quế I và hệ thống kênh dẫn trên địa bàn huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam: Mục tiêu nâng cao hiệu suất vận hành trạm bơm, đảm bảo hiệu quả tưới tiêu, không bị gián đoạn trong quá trình vận hành nhằm phục vụ sản xuất, giải quyết triệt để tình trạng ngập úng cục bộ, đảm bảo tiêu thoát nước nhanh, kịp thời cho toàn bộ khu vực dự án, đặc biệt là khu vực công nghiệp, dịch vụ của huyện Kim Bảng. Kinh phí 67.000 triệu đồng.

Dự án cải tạo, nâng cấp trạm bơm Hoàng Tây và hệ thống kênh dẫn trên địa bàn huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam: Mục tiêu đảm bảo tiêu thoát nước cho khu vực, đặc biệt là yêu cầu tiêu thoát nước cho khu công nghiệp và đô thị khi các khu vực đất nông nghiệp nằm trong lưu vực tiêu của trạm bơm Hoàng Tây được quy hoạch chuyển đổi sang đất khu công nghiệp, đô thị theo Quy hoạch chung đô thị Kim Bảng. Kinh phí 123.000 triệu đồng

+ Tỉnh Ninh Bình (cũ): Thực hiện nhiều chương trình, dự án, nhiệm vụ, đề tài khoa học và các hoạt động triển khai ứng phó với biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh

đã được thực hiện, bước đầu phát huy hiệu quả: Xây dựng cơ sở hạ tầng như đường ra trạm kiểm soát Biên phòng Côn Nôi; xây dựng tuyến đê Bình Minh 4; nâng cấp tuyến đê Bình Minh 2; hàn khẩu đê Bình Minh 3; Dự án xây dựng âu Kim Đài phục vụ ngăn mặn, giữ ngọt và ứng phó với tác động nước biển dâng cho 06 huyện, thành phố khu vực Nam Ninh Bình; Cải thiện cơ sở hạ tầng đô thị nhằm giảm thiểu tác động của biến đổi khí hậu cho 04 tỉnh ven biển Bắc Trung bộ; Tiểu dự án cải thiện cơ sở hạ tầng đô thị Phát Diệm, huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình.

+ Tỉnh Nam Định (cũ): Đối với các nhiệm vụ, dự án ưu tiên ứng phó với biến đổi khí hậu đến năm 2030, định hướng đến năm 2050: Tại Quyết định số 1665/QĐ-UBND ngày 12/8/2019 của UBND tỉnh Nam Định có 12 dự án ưu tiên ứng phó với biến đổi khí hậu giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Đến năm 2024, đã hoàn thành 02 nhiệm vụ, cụ thể: “Lập hành lang kỹ thuật bảo vệ các công trình khí tượng thủy văn” và “Nghiên cứu, áp dụng khoa học công nghệ thích ứng với biến đổi khí hậu”: gồm các Dự án “Nghiên cứu đề xuất hệ thống cảnh báo, dự báo sớm rủi ro do xâm nhập mặn gây ra tại tỉnh Nam Định”; dự án Nghiên cứu tạo lập mô hình rừng ngập mặn cảnh quan nhằm phát triển du lịch sinh thái tại Vườn quốc gia Xuân Thủy tỉnh Nam Định.

Tập trung triển khai các dự án nâng cấp, hoàn chỉnh hệ thống công trình thủy lợi, hệ thống đê biển tỉnh thích ứng biến đổi khí hậu: Củng cố và hoàn thiện xử lý các vị trí sạt lở tại đê biển Côn Tròn và Hải Thịnh III, huyện Hải Hậu thuộc dự án Củng cố hoàn thiện và xử lý sạt lở đê biển một số tỉnh Bắc Bộ do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý; Nâng cấp các tuyến đê biển: Gót Tràng (huyện Hải Hậu), Phúc Thắng (huyện Nghĩa Hưng), Giao Hương (huyện Giao Thủy) thuộc dự án Xây dựng nâng cấp một số đoạn đê, kè để khắc phục hậu quả thiên tai, sạt lở trên tuyến đê hữu Hồng và các tuyến đê biển tỉnh Nam Định.

Ngoài ra, hàng năm nội dung tuyên truyền chính sách pháp luật về biến đổi khí hậu và phòng chống thiên tai đã được tập trung thực hiện, lồng ghép trong các chương trình tập huấn, tuyên truyền của các Sở, ban, ngành, góp phần nâng cao năng lực ứng phó với biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh.

* Giảm nhẹ phát thải khí nhà kính; bảo vệ, phát triển các hệ sinh thái tự nhiên, tăng cường khả năng hấp thụ khí nhà kính

- Lĩnh vực năng lượng

+ Đẩy mạnh thực hiện các giải pháp phát triển năng lượng sạch, sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả và các giải pháp công nghệ đột phá trong tương lai đồng thời bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia.

+ Từ năm 2021 đến 30/6/2025, tỉnh Hà Nam, Nam Định và Ninh Bình cũ đã cấp 16 giấy chứng nhận đăng ký phát triển điện mặt trời mái nhà tự sản xuất, tự tiêu thụ. Từ ngày 01/07/2025 đến 20/12/2025, tỉnh Ninh Bình đã cấp 09 giấy chứng nhận đăng ký phát triển điện mặt trời mái nhà tự sản xuất, tự tiêu thụ.

+ Thực hiện Quyết định số 1488/QĐ-TTg ngày 29/8/2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch phát triển công nghiệp xi măng Việt Nam giai

đoạn 2011 - 2020 và định hướng đến năm 2030, Ninh Bình đã triển khai hướng dẫn đến các doanh nghiệp sản xuất xi măng trên địa bàn tỉnh áp dụng thực hiện các giải pháp tận dụng nhiệt khí thải trong các nhà máy xi măng để phát điện giúp tiết kiệm năng lượng, giảm chi phí, giảm ô nhiễm môi trường. Đến nay, trên địa bàn tỉnh đã có 08 nhà máy xi măng¹ thực hiện hiệu quả nội dung trên.

- Lĩnh vực môi trường

+ Triển khai thực hiện các biện pháp quản lý, giảm thiểu phát sinh chất thải; tăng cường tái sử dụng, tái chế chất thải

Sau sáp nhập, Ninh Bình ban hành 01 Nghị quyết, 02 Quyết định về công tác quản lý chất thải rắn, gồm: Nghị quyết số 36/2025/NQ-HĐND ngày 09/12/2025 của HĐND tỉnh quy định cơ chế hỗ trợ kinh phí thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt, rác thải công cộng trên địa bàn tỉnh; Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/10/2025 của UBND tỉnh quy định đặc điểm kinh tế - kỹ thuật của dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Ninh Bình; Quyết định số 155/2025/QĐ-UBND ngày 06/11/2025 của UBND tỉnh ban hành Quy định quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh.

Ngoài ra, đã tăng cường thực hiện phân loại, thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh; phương án thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải trên địa bàn tỉnh năm 2025; xây dựng quy trình kỹ thuật, định mức kinh tế - kỹ thuật thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt, vệ sinh công cộng trên địa bàn tỉnh Ninh Bình...

+ Về chương trình dự án: Phát triển các mô hình xử lý chất thải rắn tiên tiến, thân thiện với môi trường: Dự án Nhà máy điện rác Greenity Nam Định tại phường Mỹ Lộc dự kiến đi vào vận hành thử nghiệm tháng 6/2026; đang triển khai dự án “Đầu tư xây dựng nhà máy điện rác Ninh Bình” và đang thu hút đầu tư “Dự án xây dựng và vận hành nhà máy xử lý chất thải rắn tại xã Đông Sơn, thành phố Tam Điệp (nay là phường Trung Sơn, tỉnh Ninh Bình)”.

- Lĩnh vực chăn nuôi

Hoạt động giảm phát thải khí nhà kính trong chăn nuôi tập trung vào các giải pháp quản lý chất thải (hầm biogas, ủ phân hữu cơ), cải thiện dinh dưỡng (thức ăn giàu probiotic, chất phụ gia ức chế methane), cải tiến phương thức chăn nuôi (chuồng trại, giống có hiệu suất cao), và sử dụng năng lượng tái tạo (điện mặt trời). Việc nâng cao sức khỏe vật nuôi và ứng dụng công nghệ, chính sách hỗ trợ cũng là những yếu tố quan trọng để phát triển ngành chăn nuôi xanh, tuần hoàn và bền vững, hướng tới cam kết giảm phát thải của quốc gia:

Thông qua việc xử lý phân - rác thải bằng công nghệ sinh học đã tiết kiệm được nguồn nhiên liệu (chất đốt), tiết kiệm lượng điện cung cấp cho chăn nuôi và góp phần tích cực vào việc làm giảm phát thải khí nhà kính. Bể Biogas còn hạn chế

¹ Công ty CP xi măng Vissai Hà Nam, Công ty CP xi măng Vicem Bút Sơn, Công ty CP xi măng Thành Thắng Group, Công ty CP xi măng Xuân Thành, Công ty CP xi măng Long Thành, Công ty CP xi măng Vissai Ninh Bình, Công ty TNHH MTV xi măng Vicem Tam Điệp, Công ty CP xi măng Hướng Dương

được tình trạng ô nhiễm môi trường nông thôn và sự phát thải gián tiếp khó kiểm soát của các chất thải.

- Thu gom, xử lý phụ phẩm nông nghiệp ủ làm phân bón trồng trọt; sử dụng các chế phẩm sinh học; dùng các hồ lắng sinh học. Thực hiện chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng hợp lý đàn vật nuôi, điều chỉnh khẩu phần ăn hợp lý cho gia súc như giảm thiểu lượng N và P trong chăn nuôi lợn và sử dụng NO_3NH_4 thay vì urea trong khẩu phần ăn của trâu, bò... sẽ góp phần giảm đáng kể khí CH_4 .

Triển khai thực hiện các dự án trong chăn nuôi góp phần đẩy mạnh tái cơ cấu nông nghiệp, thực hiện các giải pháp nông nghiệp thích ứng với BĐKH; khai thác và phát huy lợi thế nền nông nghiệp nhiệt đới; phát triển nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp sinh thái, thân thiện với môi trường; chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, nuôi trồng; nâng cao khả năng chống chịu, thích ứng của nông nghiệp với biến đổi khí hậu ở từng vùng, miền. Hướng dẫn người chăn nuôi khi đầu tư xây dựng, vận hành khai thác các cơ sở chăn nuôi, phục vụ chăn nuôi phải đảm bảo theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật nhằm: phát huy tối đa lợi thế về vốn đầu tư, bảo đảm chăn nuôi phát triển theo quy luật sinh học; phát huy ưu thế của nguồn gen phù hợp với điều kiện của địa phương, bảo vệ môi trường và hiệu quả kinh tế.

Tiếp tục chỉ đạo phát triển các con nuôi chủ lực, có lợi thế, đặc sản, sản xuất theo hướng hàng hóa của các địa phương, như: Lợn ngoại, gia cầm, bò thịt, dê núi và các con nuôi đặc sản khác. Khuyến khích chuyển đổi diện tích cây trồng kém hiệu quả sang trồng cây thức ăn chăn nuôi, diện tích đất đồi không sử dụng hoặc sử dụng không hiệu quả sang xây dựng khu, vùng, trang trại chăn nuôi công nghiệp gắn với xây dựng hạ tầng đồng bộ có hệ thống xử lý chất thải tiên tiến. Cơ giới hóa quá trình sản xuất, phát triển sản xuất chăn nuôi tập trung với hệ thống chuồng trại khép kín, chủ động con giống, an toàn dịch bệnh, vệ sinh môi trường và tái sử dụng nguồn năng lượng từ chất thải chăn nuôi thông qua hệ thống biogas, máy phát điện từ khí biogas; tiến hành liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm.

Thúc đẩy phát triển các mô hình, trang trại chăn nuôi thân thiện với môi trường: Tổ chức tuyên truyền, hướng dẫn cho các trang trại chăn nuôi trên địa bàn áp dụng quy trình thực hành sản xuất tốt (GAHP), khuyến khích, hỗ trợ các trang trại chăn nuôi theo chuỗi giá trị, áp dụng công nghệ cao, hình thức sản xuất tiên tiến vào sản xuất chăn nuôi, triển khai các chính sách hỗ trợ phát triển chăn nuôi trên địa bàn tỉnh.

- Lĩnh vực giao thông vận tải

Thúc đẩy phương tiện sạch: Đã thực hiện cấp phù hiệu cho 1.307 phương tiện taxi sử dụng năng lượng điện trên tổng số 1.986 phương tiện taxi đang hoạt động trên địa bàn tỉnh. Kiểm soát khí thải phương tiện: Tiếp tục thực hiện công tác quản lý, kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường (ATKT&BVMT) đối với phương tiện giao thông; triển khai kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy bảo đảm tuân thủ tiêu chuẩn khí thải theo lộ trình, nhằm giảm mức tiêu thụ nhiên liệu

và phát thải khí nhà kính. Công tác kiểm định được thực hiện nghiêm theo Thông tư số 47/2024/TT-BGTVT ngày 15/11/2024 của Bộ Giao thông vận tải quy định trình tự, thủ tục kiểm định, miễn kiểm định lần đầu cho xe cơ giới, xe máy chuyên dùng; trình tự, thủ tục chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới cải tạo, xe máy chuyên dùng cải tạo; trình tự, thủ tục kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy. Đồng thời, tổ chức triển khai Quyết định số 43/2025/QĐ-TTg ngày 28/11/2025 của Thủ tướng Chính phủ quy định lộ trình áp dụng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải xe ô tô tham gia giao thông đường bộ khi Quyết định có hiệu lực. Đặc biệt, việc áp dụng Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về ngăn ngừa ô nhiễm do phương tiện thủy nội địa gây ra (QCVN 17:2011/BGTVT) được thực hiện đúng quy định.

Quản lý phương tiện quá niên hạn sử dụng: Đã triển khai thực hiện Nghị định số 166/2024/NĐ-CP ngày 26/12/2024 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm định xe cơ giới; tổ chức, hoạt động của cơ sở đăng kiểm và niên hạn sử dụng của xe cơ giới, công bố công khai trên Trang thông tin điện tử của mình danh sách các phương tiện hết niên hạn sử dụng thuộc phạm vi quản lý của Sở. Đồng thời, tăng cường kiểm soát khí thải phát sinh từ hoạt động giao thông vận tải trong các lĩnh vực đường bộ, đường thủy nội địa; phối hợp xử lý nghiêm các phương tiện quá niên hạn sử dụng, gây ô nhiễm môi trường.

2.3. Thực hiện giải pháp

a) Tăng cường, đổi mới công tác tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức, hình thành ý thức chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, bảo vệ môi trường

- Công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức đối với các cấp ủy đảng, chính quyền, cán bộ, đảng viên và nhân dân về chủ động ứng phó với BĐKH, bảo vệ môi trường theo 05 nhóm giải pháp tại Chương trình hành động của Tỉnh ủy đã được triển khai với nhiều hình thức (hội nghị, truyền hình, báo, đài, mạng xã hội, lồng ghép vào chương trình giáo dục các cấp học...), đổi mới nội dung, xác định các đối tượng ưu tiên.

- Phát động các phong trào người dân chung tay ứng phó với BĐKH, tham gia bảo vệ môi trường thông qua các sự kiện như: Ngày Nước thế giới (22/3), Ngày Khí tượng thế giới (23/3), Ngày Môi trường thế giới (05/6), Ngày Đại dương thế giới (08/6), Tuần lễ Biển và Hải đảo Việt Nam (từ 01 đến 08/6)...; tham gia tích cực các hoạt động hưởng ứng tiết kiệm năng lượng như sử dụng các nguồn năng lượng mới, năng lượng tái tạo, hưởng ứng Giờ Trái đất... Hướng dẫn các địa phương duy trì tiêu chí chất lượng môi trường trong xây dựng nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu. Qua đó, hình thành cho mỗi thành viên trong xã hội ý thức chủ động các biện pháp ứng phó với BĐKH, tăng cường quản lý, bảo vệ, sử dụng hợp lý tài nguyên và bảo vệ môi trường; tạo dư luận xã hội lên án và thống nhất nhận thức về việc phải xử lý nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường, sử dụng lãng phí tài nguyên.

+ Về tuyên truyền tập huấn BĐKH và bảo vệ môi trường

Trước khi sáp nhập, định kỳ hàng năm tổ chức tập huấn về BĐKH và bảo vệ môi trường cho các cơ sở sản xuất, kinh doanh và dịch vụ trên địa bàn tỉnh.

Sau khi sáp nhập tỉnh: Phối hợp tổ chức 01 hội nghị tập huấn hướng dẫn trách nhiệm quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường cho lãnh đạo và công chức cấp xã trên địa bàn tỉnh; 01 hội nghị tập huấn, tăng cường kết nối về bảo vệ môi trường, quản lý và sử dụng đất liên quan đến bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu, sản xuất và tiêu dùng bền vững trên địa bàn tỉnh. Khuyến khích các cơ sở tái sử dụng chất thải rắn, sử dụng nguyên liệu sinh khối như: sản xuất viên nén gỗ, mùn cưa, viên ép trấu, làm nguyên liệu sản xuất...

Phối hợp với Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường tổ chức 01 Hội nghị “Tập huấn về bảo vệ môi trường cho các tổ chức chính trị, xã hội, nghề nghiệp khu vực Bắc, Trung, Nam” năm 2025 tại tỉnh Ninh Bình. Phối hợp với Hội liên hiệp phụ nữ tỉnh tập huấn 05 Hội nghị về công tác bảo vệ môi trường cho các cấp hội tại các phường, xã trên địa bàn tỉnh.

Tổ chức 04 hội nghị tập huấn công tác bảo vệ môi trường đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh và dịch vụ; các cơ sở khai thác, chế biến khoáng sản và sản xuất vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh Ninh Bình năm 2025.

Phối hợp với Viện Nghiên cứu tăng trưởng xanh (AGG) triển khai các nội dung Chương trình “Vi Môi trường xanh quốc gia”; chuẩn bị tổ chức hội nghị đào tạo “Hành trình đến Net-zero”; tổ chức khảo sát, đánh giá và công bố doanh nghiệp ESG xanh quốc gia và truyền thông về môi trường xanh quốc gia; tổ chức khóa đào tạo về phương pháp xác định và báo cáo phát thải khí nhà kính theo TCVN ISO 14064-1:2018 cho các doanh nghiệp phát thải khí nhà kính phải kiểm kê KNK trên địa bàn tỉnh

b) Đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ trong ứng phó với biến đổi khí hậu và bảo vệ môi trường

Định hướng nghiên cứu khoa học và công nghệ hàng năm, Ninh Bình khuyến khích các tổ chức, cá nhân đẩy mạnh công tác nghiên cứu ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ đem lại hiệu quả kinh tế cao thuộc lĩnh vực xử lý môi trường; áp dụng công nghệ sạch thân thiện với môi trường vào hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ cũng như các hoạt động khác có ảnh hưởng đến môi trường, nhất là công nghệ tái sử dụng chất thải và có biện pháp chế biến thành sản phẩm có ích phục vụ cho yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Theo đó, các tổ chức, cá nhân đã đề xuất đặt hàng và triển khai thực hiện các nhiệm vụ khoa học, công nghệ trong đó tập trung nghiên cứu, ứng dụng KH&CN vào một số lĩnh vực như: Nghiên cứu khoa học về ứng phó với biến đổi khí hậu; quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường; Ứng dụng công nghệ mới trong sản xuất nông nghiệp, công nghiệp ... góp phần bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu.

Công tác nghiên cứu khoa học đã đóng góp tích cực vào việc đưa ra các giải pháp nhằm bảo vệ môi trường góp phần phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh nhằm đáp ứng mục tiêu phát triển bền vững. Các giải pháp kiểm soát bảo vệ môi trường

ngiên cứu ứng dụng như: Đề tài: “Nghiên cứu xác định lượng phát thải các chất gây ô nhiễm không khí, các khí nhà kính từ hoạt động giao thông vận tải và sản xuất công nghiệp lớn trên địa bàn tỉnh Ninh Bình, đề xuất giải pháp giảm nhẹ phát thải”. Kết quả đề tài tạo ra bản đồ phân bố ô nhiễm không khí từ hoạt động giao thông và các nguồn phát thải lớn, nghiên cứu đề xuất lộ trình quản lý và giải pháp giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và ô nhiễm không khí trên địa bàn tỉnh Ninh Bình”. Dự án: “Ứng dụng tiến bộ KH-CN hoàn thiện dây chuyền sản xuất đá mỹ nghệ công nghệ máy cắt đá bằng dây kim cương và CNC 3D tại tỉnh Ninh Bình”. Mục tiêu của dự án nhằm hoàn thiện dây chuyền sản xuất, chế tác đá mỹ nghệ công nghệ máy cắt đá bằng dây kim cương và công nghệ CNC 3D tạo ra sản phẩm đá mỹ nghệ có kích thước lớn, chất lượng cao, hoa văn tinh xảo và giảm thiểu ô nhiễm môi trường tại làng nghề đá mỹ nghệ Ninh Vân.

Các đề tài, dự án tập trung trong các lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi và chế biến nông lâm, thủy sản đã đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật, công nghệ hiện đại nhằm tăng năng suất chất lượng cây trồng, vật nuôi, xử lý chất thải rắn chăn nuôi và xử lý, tận dụng phụ phẩm cây trồng như: Nghiên cứu xây dựng bộ chỉ số sản phẩm (rau, quả, thịt...) an toàn nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Ninh Bình; Ứng dụng tiến bộ khoa học và kỹ thuật xử lý nguồn phế thải chăn nuôi làm nguyên liệu sản xuất phân bón hữu cơ vi sinh trên địa bàn tỉnh Ninh Bình. Dự án nhằm xây dựng thành công mô hình xử lý nguồn phế thải chăn nuôi làm nguyên liệu sản xuất phân bón hữu cơ vi sinh trên địa bàn tỉnh nhằm giảm ô nhiễm môi trường, tạo việc làm và tăng thu nhập cho người dân; Đề tài: “Nghiên cứu diễn biến lớp phủ bề mặt tỉnh Ninh Bình 50 năm qua bằng tư liệu viễn thám đa thời gian để phục vụ công tác định hướng quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ môi trường”. Mục tiêu đề tài nhằm đánh giá được biến động lớp phủ bề mặt tỉnh Ninh Bình từ năm 1973 – 2023 (50 năm qua); Xây dựng được hệ thống quản lý cơ sở dữ liệu nhằm theo dõi diễn biến lớp phủ bề mặt tỉnh Ninh Bình hằng năm trên cơ sở cập nhật thông tin điều tra hoặc bằng tư liệu ảnh mới; đồng thời đề xuất được một số định hướng và giải pháp quy hoạch phát triển kinh tế xã hội và bảo vệ môi trường.

c) Tăng cường quản lý nhà nước về ứng phó với BĐKH, bảo vệ môi trường

- Để cụ thể hóa các quan điểm, chủ trương của Đảng về công tác chủ động ứng phó với BĐKH, bảo vệ môi trường, tỉnh đã ban hành các chương trình hành động, kế hoạch, văn bản chỉ đạo tạo môi trường pháp lý để thực hiện các nhiệm vụ đề ra trong Nghị quyết số 24-NQ/TW, Nghị quyết số 06/NQ-CP, Kết luận số 81-KL/TW.

- Kiện toàn bộ máy quản lý nhà nước về biến đổi khí hậu, bảo vệ môi trường các cấp. Sau khi hợp nhất 03 tỉnh và hoạt động theo chính quyền địa phương 02 cấp, bộ máy quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường cấp tỉnh gồm Chi cục Bảo vệ môi trường, phòng Biển và Biến đổi khí hậu thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường, Phòng Tài nguyên và Môi trường thuộc Ban quản lý các KCN, Khu kinh tế tỉnh và cấp xã là phòng Kinh tế, hạ tầng và Đô thị/Kinh tế thuộc UBND các xã, phường trên địa bàn tỉnh.

- Đẩy mạnh công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý nghiêm các vi phạm pháp luật về tài nguyên và môi trường, trong đó chú trọng nâng cao vai trò, trách nhiệm của cấp xã; ký kết quy chế phối hợp các tỉnh bạn trong công tác quản lý nhà nước về khoáng sản tại khu vực giáp ranh nhằm tăng cường kiểm soát, phối hợp trong công tác quản lý, phát hiện và xử lý hoạt động khai thác khoáng sản trái phép tại khu vực giáp ranh giữa các tỉnh, với các ngành trong tỉnh trong công tác quản lý nhà nước về tài nguyên và môi trường.

- Chủ động kiểm soát chặt chẽ các nguồn thải lớn; theo dõi, giám sát, nắm bắt kịp thời diễn biến các vấn đề môi trường, công tác bảo vệ môi trường của các cơ sở thuộc loại hình sản xuất có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường cao trên địa bàn tỉnh; tăng cường các biện pháp ứng phó BĐKH, phòng ngừa các nguy cơ xảy ra sự cố môi trường; triển khai các giải pháp về quản lý rác thải, từng bước thực hiện tái chế, tái sử dụng rác thải thay cho chôn lấp, giảm thiểu rác thải nhựa.

- Thực hiện các giải pháp cải thiện chất lượng môi trường không khí; xử lý triệt để các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng trên địa bàn tỉnh theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ. Nâng cao năng lực và tăng cường công tác quan trắc môi trường, đa dạng sinh học; nâng cao năng lực cảnh báo, dự báo về thiên tai, chất lượng môi trường.

- Về tiếp nhận, rà soát và tổng hợp kết quả kiểm kê khí nhà kính của các cơ sở phát thải khí nhà kính phải thực hiện kiểm kê khí nhà kính: Theo Quyết định số 13/2024/QĐ-TTg ngày 13/8/2024 Thủ tướng Chính phủ, trên địa bàn tỉnh Ninh Bình sau sáp nhập có 80 cơ sở phải thực hiện kiểm kê khí nhà kính. Đến nay, đã thực hiện tiếp nhận, thẩm định, rà soát báo cáo kết quả kiểm kê khí nhà kính đối với 70/80 cơ sở, có 60/70 cơ sở đã hoàn thiện báo cáo kết quả kiểm kê khí nhà kính và được thông báo kết quả thẩm định, rà soát; 10/70 cơ sở đang hoàn thiện báo cáo kết quả kiểm kê khí nhà kính. Đối với các cơ sở phát thải khí nhà kính trên địa bàn tỉnh chưa thực hiện việc xây dựng, nộp báo cáo kết quả kiểm kê khí nhà kính, các cơ quan chuyên môn của tỉnh đang đôn đốc các cơ sở xây dựng và hoàn thiện Báo cáo kết quả kiểm kê khí nhà kính theo quy định.

d) Đổi mới, hoàn thiện cơ chế, chính sách tài chính, tăng cường và đa dạng hóa nguồn lực cho ứng phó với biến đổi khí hậu, bảo vệ môi trường

- Tỉnh đã chú trọng đầu tư các công trình phục vụ công tác phòng chống thiên tai và ứng phó với BĐKH trên địa bàn theo hướng từng bước nâng cao hiệu quả đầu tư và tích cực huy động, đa dạng hóa các nguồn lực để đầu tư, nhất là các nguồn vốn ưu đãi cho ứng phó với BĐKH, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường.

- Hàng năm, tỉnh ưu tiên bố trí ngân sách phù hợp cho công tác điều tra cơ bản, xử lý ô nhiễm môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học và ứng phó với BĐKH; đồng thời đẩy mạnh thực hiện xã hội hóa để huy động tối đa các nguồn lực, kể cả các nguồn ODA để đầu tư cho ứng phó với BĐKH và bảo vệ môi trường, nhất là lĩnh vực thu gom, xử lý, tái chế chất thải, sử dụng công nghệ sạch, công nghệ thân thiện với môi trường, trồng, bảo vệ và phát triển rừng.

- Thực hiện chính sách khuyến khích, ưu đãi, hỗ trợ doanh nghiệp và người dân tham gia hoạt động ứng phó với BĐKH, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường; hỗ trợ người dân trồng và bảo vệ rừng, nhất là rừng ngập mặn ven biển, người dân bị ảnh hưởng do khai thác tài nguyên quá mức; khuyến khích các phong trào quần chúng tham gia bảo vệ môi trường; đề cao trách nhiệm, tăng cường sự tham gia có hiệu quả của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, các phương tiện truyền thông.

đ) Coi trọng hợp tác, hội nhập quốc tế về ứng phó với biến đổi khí hậu, bảo vệ môi trường

Tỉnh đã chủ động phối hợp với các tổ chức quốc tế, các tổ chức phi Chính phủ trong tham gia và thực hiện các điều ước quốc tế, hợp tác ứng phó với BĐKH, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường; xây dựng và đề xuất các chương trình, dự án kêu gọi tài trợ của các đối tác nước ngoài để tiếp cận công nghệ mới và chủ động nắm bắt thời cơ cho hoạt động thích ứng và giảm nhẹ tác động của BĐKH. Thời gian qua, tỉnh đã phối hợp chặt chẽ với các cơ quan Trung ương, các tổ chức quốc tế để thực hiện các dự án hợp tác quốc tế, điển hình như:

- Dự án Rừng và Đồng bằng Việt Nam (VFD) do Cơ quan Phát triển Quốc tế Hoa Kỳ (USAID) tài trợ, tỉnh Nam Định triển khai các nội dung và hoạt động của Hợp phần Thích ứng BĐKH. Dự án đã góp phần quan trọng nâng cao nhận thức của các cấp chính quyền, các tổ chức và người dân về BĐKH, từ đó hướng người dân vào việc thực hiện các biện pháp giảm nhẹ rủi ro thiên tai, bảo vệ môi trường sinh thái và sản xuất bền vững, giảm phát thải. Đồng thời dự án đã giúp các xã tham gia có điều kiện nâng cao khả năng ứng phó với thiên tai thông qua việc hỗ trợ các cơ sở hạ tầng như nhà tránh trú bão, nâng cấp hệ thống cảnh báo sớm, cung cấp các thiết bị cứu hộ cứu nạn và hỗ trợ thực hiện các hoạt động diễn tập ứng phó với các tình huống thường xảy ra tại địa phương. Dự án kết thúc năm 2018.

- Dự án Giảm sóng ổn định bãi và trồng rừng ngập mặn bảo vệ Nam Cồn Xanh huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định: Nguồn vốn ngân sách Trung ương của Chương trình hỗ trợ ứng phó BĐKH (SP-RCC), bao gồm phần vốn nước ngoài (giải ngân ODA); ngân sách tỉnh và các nguồn vốn hợp pháp khác. Đến hết 3/2016 đã thi công trồng rừng xong toàn bộ khối lượng dự án (70,71ha); đến 05/10/2016, đã nghiệm thu xong các khối lượng công việc thực hiện.

- Dự án Bảo vệ và phát triển rừng phòng hộ ven biển tỉnh Nam Định giai đoạn 2015 - 2020: Nguồn vốn ngân sách Trung ương của Chương trình hỗ trợ ứng phó BĐKH (SP-RCC), bao gồm phần vốn nước ngoài (giải ngân ODA); ngân sách tỉnh và các nguồn vốn hợp pháp khác. Đến 30/6/2018, đã thi công trồng rừng xong toàn bộ khối lượng dự án (141,07ha); đến tháng 12/2018 đã nghiệm thu xong các khối lượng công việc thực hiện.

- Dự án Hỗ trợ nông nghiệp Cacbon thấp (LCAPS): Nguồn vốn vay Ngân hàng Châu Á (ADB). Dự án đã nghiên cứu, triển khai hiệu quả trên 168 mô hình quản lý toàn diện chất thải chăn nuôi chống quá tải hàm khí sinh học (mô hình nhà

ủ phân, mô hình kết hợp bể lắng tách chất thải rắn trước hầm biogas kết hợp ủ phân compost, mô hình ủ phân hữu cơ kết hợp nuôi giun xử lý chất thải chăn nuôi; mô hình chăn nuôi lợn tiết kiệm nước, mô hình bể lắng sau biogas kết hợp tưới cây rau màu và cây dược liệu). Thí điểm 07 mô hình sử dụng máy tách phân, sản xuất phân hữu cơ từ chất thải chăn nuôi; 02 mô hình tách phân kết hợp máy phát điện sử dụng khí sinh học. Tổ chức trên 300 lớp tập huấn cho trên 10 ngàn lượt nông dân về kỹ thuật quản lý, xử lý chất thải chăn nuôi đảm bảo không gây ô nhiễm môi trường. Dự án kết thúc năm 2020.

- Dự án “Tăng cường khả năng chống chịu với BĐKH cho các cộng đồng dân cư dễ bị tổn thương ven biển Việt Nam” do Quỹ Khí hậu xanh (GCF) viện trợ không hoàn lại.

2.4. Thực hiện các chương trình, đề án, dự án, nhiệm vụ được giao tại Nghị quyết số 06/NQ-CP và Nghị quyết số 122/NQ-CP của Chính phủ

- Kiểm soát chất lượng môi trường không khí: UBND các tỉnh đã ban hành nhiều văn bản chỉ đạo về quản lý môi trường không khí theo các quy định tại Luật BVMT, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Quyết định số 1973/QĐ-TTg và Chỉ thị số 03/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ. Tỉnh Hà Nam và Nam Định đã ban hành Kế hoạch quản lý chất lượng môi trường không khí và triển khai thực hiện, riêng đối với tỉnh Ninh Bình cũ đã phê duyệt đề cương nhiệm vụ Kế hoạch quản lý môi trường không khí, hiện tỉnh Ninh Bình đang triển khai xây dựng kế hoạch quản lý chất lượng môi trường không khí trong đó sẽ tích hợp nội dung Kế hoạch quản lý môi trường không khí của tỉnh Hà Nam và Nam Định cũ đã được phê duyệt.

- Thực hiện bảo vệ môi trường nước mặt, đặc biệt đối với lưu vực sông Nhuệ - Đáy: Các hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung tại các khu, cụm công nghiệp được xây dựng giúp giảm thiểu tình trạng xả nước thải không đạt quy chuẩn ra môi trường nước mặt do hầu hết các cơ sở sản xuất có lượng nước thải lớn đều nằm trong các khu, cụm công nghiệp. Các cơ sở sản xuất, kinh doanh và dịch vụ nằm tại các khu, cụm công nghiệp chưa có hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung đã đầu tư hệ thống thu gom, xử lý nước thải đạt quy chuẩn môi trường. Ngoài ra một số hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung tại các đô thị đã đi vào hoạt động (Ninh Bình cũ có 02 trạm, Hà Nam có 02 trạm) giúp cải thiện đáng kể chất lượng nước mặt tại các sông trên địa bàn tỉnh. Hiện 100% các khu đô thị, khu nhà ở mới trong nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường có phương án xây dựng trạm xử lý nước thải tập trung hoặc có phương án thu gom nước thải về trạm xử lý tập trung theo Quy hoạch.

- Thực hiện phân vùng môi trường trong Quy hoạch tỉnh đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Hiện nay điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Ninh Bình giai đoạn 2021 - 2030, định hướng đến năm 2050 đã được phê duyệt.

- Chủ động thực hiện kiểm soát các nguồn thải lớn thông qua hệ thống quan trắc tự động, liên tục chất thải và truyền dữ liệu về Sở Nông nghiệp và Môi trường theo dõi, quản lý. Trên địa bàn tỉnh có 62 cơ sở thuộc đối tượng phải lắp đặt hệ

thông quan trắc nước thải, khí thải tự động, liên tục theo quy định. Hiện có 52/62 cơ sở đã thực hiện lắp đặt và truyền dữ liệu về Sở Nông nghiệp và Môi trường theo quy định (đạt tỷ lệ 83,8%), với 34 trạm quan trắc nước thải tự động, liên tục và 110 trạm quan trắc khí thải tự động, liên tục. Còn 10 cơ sở chưa kết nối dữ liệu quan trắc nước thải, khí thải tự động, liên tục theo quy định. Dữ liệu quan trắc nước thải, khí thải tự động, liên tục truyền về Sở phục vụ cho công tác kiểm tra, giám sát và xử lý kịp thời trong trường hợp phát hiện chất lượng khí thải, nước thải của cơ sở vượt quy chuẩn cho phép.

- Tăng cường công tác quản lý chất thải rắn sinh hoạt: Năm 2025, lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh trên địa bàn tỉnh khoảng 919.560 tấn/năm, trong đó khu vực đô thị khoảng 400.770 tấn/năm, được phân loại, thu gom, xử lý khoảng 384.700 tấn/năm đạt tỷ lệ 96%. Khu vực nông thôn khoảng 518.790 tấn/năm, được phân loại, thu gom, xử lý khoảng 470.500 tấn/năm đạt tỷ lệ 91%. Công tác phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn đã bước đầu được triển khai có hiệu quả, đặc biệt tại các xã nông thôn mới.

- Thực hiện Kế hoạch hành động quốc gia về quản lý rác thải nhựa đại dương đến năm 2030: UBND các tỉnh đã ban hành các văn bản triển khai công tác quản lý chất thải nhựa (Kế hoạch số 55/KH-UBND ngày 09/4/2021 của UBND tỉnh Ninh Bình cũ về việc triển khai, thực hiện Đề án “Đẩy mạnh công tác tuyên truyền về phòng, chống rác thải nhựa giai đoạn 2021 - 2025” trên địa bàn tỉnh, Quyết định số 138/QĐ-UBND ngày 08/01/2020 ban hành Kế hoạch hành động về quản lý rác thải nhựa đại dương đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Ninh Bình, Kế hoạch số 61/KH-UBND ngày 02/5/2019 thực hiện phong trào “chống rác thải nhựa” trên địa bàn tỉnh; Kế hoạch số 11/KH-UBND ngày 04/02/2020 của UBND tỉnh Nam Định cũ về quản lý rác thải nhựa đại dương đến năm 2030; Kế hoạch số 3362/KH-UBND ngày 06/11/2020 của UBND tỉnh Hà Nam cũ về tăng cường quản lý, tái sử dụng, tái chế, xử lý và giảm thiểu chất thải nhựa trên địa bàn tỉnh Hà Nam).

Hàng năm, các sở, ngành và các địa phương trên địa bàn tỉnh Ninh Bình đã tổ chức tuyên truyền về tác hại của chất thải nhựa từ túi nilon, sản phẩm nhựa dùng một lần, hướng dẫn tái chế, tái sử dụng chất thải nhựa cho học sinh, nhân dân, nhân viên tại các khu, điểm du lịch, chợ, siêu thị...

Có nhiều mô hình được triển khai có hiệu quả như “điểm bán hàng không túi nilon” của Hội nông dân tỉnh, mô hình “ngôi nhà xanh” của Hội phụ nữ, trường học không rác được triển khai và hoạt động có hiệu quả, góp phần nâng cao nhận thức của cộng đồng về tác hại của chất thải nhựa... Chất thải nhựa được phân loại, tái sử dụng cùng với việc phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn của các hộ gia đình, cơ quan, tổ chức.

Hiện nay, UBND tỉnh Ninh Bình đã ban hành Quyết định số 440/QĐ-UBND ngày 12/02/2026 phê duyệt Đề án thu gom, vận chuyển và xử lý Chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Ninh Bình giai đoạn 2026 - 2030 và triển khai tổ chức thực hiện trên địa bàn toàn tỉnh.

III. HẠN CHẾ, YẾU KÉM VÀ NGUYÊN NHÂN

3.1. Hạn chế, yếu kém

3.1.1. Về bảo vệ môi trường

- Việc tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường của một số chủ cơ sở còn hạn chế, đôi khi còn mang tính hình thức, đối phó: Chưa đầu tư xây dựng đúng mức các công trình BVMT đảm bảo theo quy định; chưa thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về BVMT.

- Hệ thống hạ tầng giao thông khu vực Tây Đáy thuộc địa phận Hà Nam cũ nơi tập trung nhiều cơ sở khai thác và chế biến vật liệu xây dựng (ĐT 494C và các đường dùng chung trong khu vực mỏ) xuống cấp gây ảnh hưởng lớn tới khâu vận chuyển, gia tăng phát thải bụi. Nồng độ bụi khu vực phía Tây sông Đáy đã giảm mạnh song còn tồn tại một số ít điểm có nồng độ vượt so với quy chuẩn cho phép. Vẫn còn tình trạng xe vận chuyển vật liệu xây dựng trong các khu vực mỏ chờ vượt tải trọng, không có che phủ làm rơi vãi vật liệu ra đường khi vận chuyển.

- Các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng theo Quyết định số 64/QĐ-TTg và Quyết định số 1788/QĐ-TTg chưa được xử lý triệt để như: Khối lượng rác tồn khoảng 60.000 tấn tại thung Đám Gai, xã Thanh Thủy, huyện Thanh Liêm; Làng nghề Nha Xá, xã Mộc Nam và Bãi rác thung Quèn Khó (phường Trung Sơn).

- Các cơ sở sản xuất làng nghề trên địa bàn tỉnh chủ yếu là sản xuất hộ gia đình nhỏ lẻ, phân tán xen kẽ trong dân cư, kinh phí đầu tư thấp, hiệu quả không cao, công nghệ lạc hậu, nên có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường. Việc đầu tư xây dựng các hệ thống xử lý nước thải làng nghề tập trung gặp khó khăn do các cơ sở sản xuất, các hộ gia đình làm nghề nằm xen kẽ trong khu dân cư, diện tích chật hẹp gây khó khăn trong việc bố trí không gian xây dựng hệ thống xử lý nước thải hoặc hệ thống thu gom, thiếu kinh phí vận hành hệ thống xử lý sau xây dựng.

- Việc thực hiện phân loại rác thải sinh hoạt tại nguồn đã được thực hiện tại các hộ gia đình trên địa bàn tỉnh, chủ yếu là rác thải có khả năng tái chế; rác thải hữu cơ chủ yếu được phân loại tại các khu vực nông thôn, tuy nhiên việc xử lý rác hữu cơ hợp vệ sinh tại hộ gia đình còn hạn chế, số hộ thực hiện còn ít. Rác sau khi được phân loại vẫn đưa về nhà máy xử lý bằng phương pháp đốt do các nhà máy xử lý rác chưa đầu tư được dây chuyền sản xuất, tái chế đồng bộ với chất thải rắn sinh hoạt sau phân loại, vì vậy khó hình thành được thói quen phân loại rác tại hộ gia đình, cá nhân.

- Nước thải của thành phố Hà Nội vẫn thường xuyên đổ về lưu vực sông Nhuệ
- Đáy gây ô nhiễm môi trường ảnh hưởng đến nguồn nước phục vụ sinh hoạt và sản xuất trên địa bàn toàn tỉnh.

- Cơ sở hạ tầng phục vụ công tác thu gom, bóc xúc, vận chuyển và xử lý rác thải sinh hoạt sau khi phân loại chưa được đầu tư đồng bộ (điểm tập kết, xe vận chuyển, phương thức xử lý). Hoạt động tái chế chất thải rắn sinh hoạt còn mang tính nhỏ lẻ, tự phát, chủ yếu vẫn được thực hiện bởi các làng nghề hoặc các cơ sở tự phát trong khu dân cư tiềm ẩn nguy cơ gây ô nhiễm môi trường xung quanh.

3.1.2. Về ứng phó với biến đổi khí hậu

- Công tác ứng phó biến đổi khí hậu ở một số nơi chưa được quan tâm đúng mức; sự phối hợp, trao đổi thông tin giữa các cấp, các ngành trong hành động ứng phó biến đổi khí hậu chưa thường xuyên, còn thiếu chặt chẽ. Nguồn lực tài chính để thực hiện chương trình, kế hoạch, đề án, dự án liên quan đến biến đổi khí hậu chưa được bố trí đầy đủ, chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ đặt ra.

- BĐKH là lĩnh vực mới, phức tạp, có nội hàm khoa học cao; nhiều nội dung quản lý nhà nước về biến đổi khí hậu tại các lĩnh vực đòi hỏi chuyên môn sâu, am hiểu các quy định và cam kết quốc tế (như kiểm kê khí nhà kính, bảo vệ tầng ô dôn,...) trong khi năng lực đội ngũ cán bộ làm công tác này ở một số cấp còn hạn chế.

3.2. Nguyên nhân của những hạn chế, yếu kém

- Về thể chế, chính sách, pháp luật

+ Luật Bảo vệ môi trường (*gồm Luật và Luật sửa đổi, bổ sung*) và các Văn bản hướng dẫn thi hành Luật (*3 Nghị định và 3 Thông tư*) rất nhiều, doanh nghiệp và người dân rất khó tra cứu về các quy định thủ tục môi trường phải thực hiện nhất là khi điều chỉnh quy mô, công suất của dự án, cơ sở; Các văn bản quy định về thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt và nước thải khu đô thị, khu dân cư tập trung chưa đầy đủ.

+ Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về biến đổi khí hậu chưa đồng bộ, hoàn thiện; một số quy định còn thiếu cụ thể, gây khó khăn cho địa phương trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện.

- Về tổ chức thực hiện

+ Nhận thức của các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình về quản lý chất thải còn hạn chế dẫn đến chất thải tại một số nơi chưa được quản lý chặt chẽ theo quy định.

+ Công tác kiểm tra, giám sát chưa được thực hiện thường xuyên, liên tục dẫn đến nhiều tổ chức, cá nhân cố tình vi phạm về quản lý chất thải gây ô nhiễm môi trường.

- Về công cụ quản lý

+ Việc ban hành văn bản quy phạm pháp luật, quy định về bảo vệ môi trường tại địa phương theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường còn chậm, chưa đầy đủ.

+ Một số nơi, chính quyền cấp cơ sở chưa nhận thức đầy đủ trách nhiệm, nghĩa vụ về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu chưa chủ động thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu được phân cấp nhất là trong việc kiểm tra, phát hiện, xử lý về môi trường.

- Về nguồn lực

+ Nhân lực về bảo vệ môi trường còn thiếu ở cả 2 cấp, đặc biệt là cấp xã, thiếu cán bộ được đào tạo chuyên môn về môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu trong khi nhiệm vụ về môi trường phân cấp cho địa phương ngày càng nhiều.

+ Hầu hết các hoạt động đầu tư cho bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi với khí hậu thường không mang lại lợi nhuận hoặc lợi nhuận thấp dẫn đến khó thu hút được các nhà đầu tư có tiềm lực.

IV. ĐÁNH GIÁ TỔNG QUÁT

4.1. Đánh giá chung

Qua 12 năm thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 03/6/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI, công tác chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu và bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh đã đạt những kết quả tích cực. Việc triển khai được thực hiện nghiêm túc; việc cụ thể hóa thực hiện Nghị quyết và các văn bản có liên quan của Trung ương được thực hiện kịp thời, thông qua các Chỉ thị, Kết luận của Tỉnh ủy, các văn bản, quyết định, kế hoạch của UBND tỉnh về chủ động ứng phó biến đổi khí hậu, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả tài nguyên và bảo vệ môi trường với các nội dung, hành động cụ thể. Công tác thanh, kiểm tra được tăng cường, từ đó, đã phát hiện, chấn chỉnh, xử lý kịp thời các trường hợp vi phạm. Nhìn chung, tình hình ô nhiễm môi trường ở những nơi trọng điểm được kiểm soát, ý thức về công tác bảo vệ tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường của doanh nghiệp và cộng đồng dân cư được nâng cao, các nguồn thải lớn được kiểm soát. Cơ sở hạ tầng về bảo vệ môi trường tại các khu, cụm công nghiệp và các đô thị loại IV trở lên trên địa bàn tỉnh đang được đầu tư đồng bộ; trong sản xuất công nghiệp doanh nghiệp chú trọng đầu tư đổi mới công nghệ theo hướng sản xuất sạch thân thiện với môi trường, sử dụng tiết kiệm nguyên nhiên liệu, xử lý chất thải đạt tiêu chuẩn thải; năng lực, nhận thức của các cấp, ngành và địa phương về bảo vệ tài nguyên, chủ động ứng phó với BĐKH được nâng lên qua đó đã hạn chế các thiệt hại do tác động của thời tiết cực đoan gây ra (hạn hán, mưa đá và bão lũ), bảo tồn đa dạng sinh học được phát huy, từng bước chuyển thành lợi thế, tiềm năng phát triển ngành du lịch của tỉnh. Tổ chức, bộ máy quản lý nhà nước về tài nguyên và môi trường được kiện toàn từ cấp tỉnh đến cơ sở. Cơ sở vật chất được tăng cường, trang thiết bị được đầu tư và từng bước áp dụng đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

Tuy nhiên, còn một số tồn tại, hạn chế như nhận thức về biến đổi khí hậu chưa đầy đủ, chưa thống nhất; ý thức chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường của một số tổ chức, cá nhân còn hạn chế; nguồn nhân lực còn thiếu, nguồn kinh phí đầu tư trang thiết bị, hạ tầng,... phục vụ cho công tác ứng phó với biến đổi khí hậu, bảo vệ môi trường còn chưa đáp ứng yêu cầu nhất là trong thu gom xử lý chất thải rắn sinh hoạt, nước thải; vấn đề ô nhiễm môi trường, nhất là ô nhiễm làng nghề, chăn nuôi và tình trạng ô nhiễm môi trường nguồn nước trên các lưu vực sông vẫn là vấn đề bức xúc.

4.2. Bài học kinh nghiệm

Một là, nhận thức đúng về chủ động ứng phó với BĐKH, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường, tăng cường công tác quán triệt, tuyên truyền Nghị quyết số 24-NQ/TW, ngày 03/6/2013 của Ban Chấp hành Trung ương và Kết luận số 56-KL/TW, ngày 23/8/2019 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khóa XI về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường nhằm nâng cao nhận thức, ý thức, trách nhiệm của các cấp ủy, chính quyền, các ngành, đặc biệt là cộng đồng dân cư

ven biển là nhiệm vụ quan trọng, thường xuyên cần được quan tâm, chú trọng, thường xuyên.

Hai là, có sự quan tâm, lãnh đạo chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền các cấp, nhất là người đứng đầu. Thường xuyên tranh thủ sự lãnh đạo của Trung ương và các cấp ủy đảng cấp trên. Không ngừng đổi mới trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của các cấp ủy đảng, chính quyền, đoàn thể trong việc triển khai thực hiện nhiệm vụ phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương, đơn vị.

Ba là, có cơ chế, chính sách đủ mạnh để thực hiện hiệu quả việc ứng phó với BĐKH, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường. Tiến hành nghiên cứu, áp dụng các Luật như: Luật Đất đai, Luật Bảo vệ môi trường, Luật Khí tượng thủy văn, Luật Tài nguyên Môi trường biển và hải đảo, Luật Tài nguyên nước, Luật Khoáng sản,... và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật có liên quan. Đồng thời, áp dụng các quy định, hướng dẫn trong chính sách đầu tư, hướng dẫn định mức kinh tế - kỹ thuật để xây dựng các chương trình, dự án, đề án liên quan đến ứng phó với BĐKH, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường.

Phần thứ hai

ĐỀ XUẤT NỘI DUNG VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG, ỨNG PHÓ VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU TRONG NGHỊ QUYẾT MỚI CỦA BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG

I. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1.1. Quan điểm, mục tiêu đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050

1.1.1. Quan điểm

- Bảo vệ môi trường, sử dụng hiệu quả tài nguyên thiên nhiên, phòng tránh và giảm nhẹ thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu giữ vị trí trung tâm của các quyết định phát triển. Coi bảo vệ môi trường là điều kiện, là nền tảng thúc đẩy phát triển kinh tế- xã hội bền vững. Nâng cao chất lượng sống của nhân dân là nhiệm vụ hàng đầu, hướng tới người dân được hưởng chất lượng môi trường trong sạch.

- Bảo vệ môi trường, sử dụng hiệu quả tài nguyên thiên nhiên, chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu gắn liền với định hướng phát triển kinh tế- xã hội bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu, phát triển kinh tế tuần hoàn, kinh tế xanh, thực hiện chuyển đổi phát triển kinh tế từ “nâu” sang “xanh” đảm bảo phát triển bền vững.

- Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy, tổ chức đảng, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường, sử dụng hiệu quả tài nguyên thiên nhiên, ứng phó với BĐKH. Bảo tồn phát huy giá trị các khu di sản thiên nhiên, vùng đất ngập nước và các khu cảnh quan sinh thái quan trọng. Huy động nguồn lực nhằm thực hiện hiệu quả mục tiêu bảo vệ môi trường, bảo vệ tài nguyên thiên nhiên, môi trường sinh thái, phòng chống thiên tai, thích ứng với BĐKH.

1.1.2. Mục tiêu

Sử dụng hiệu quả tài nguyên thiên nhiên, cải thiện chất lượng môi trường, chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu; ngăn chặn đầy lùi nguy cơ gia tăng ô nhiễm môi trường, cạn kiệt tài nguyên thiên nhiên, suy giảm đa dạng sinh học, môi trường sinh thái. Hình thành nền kinh tế xanh với mục tiêu xây dựng tỉnh Ninh Bình trở thành thành phố trực thuộc Trung ương, phát huy tối đa tiềm năng, thế mạnh về các ngành kinh tế chủ lực như du lịch, công nghiệp, công nghiệp văn hóa gắn với bảo tồn di sản. Đặc biệt, việc mở rộng không gian phát triển kinh tế biển được xem là điểm sáng trong định hướng phát triển vùng.

Mục tiêu cụ thể đến năm 2035:

- Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt đô thị được thu gom, xử lý theo tiêu chuẩn quy chuẩn đạt 100%; tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt nông thôn được thu gom, xử lý theo tiêu chuẩn, quy chuẩn đạt 100%. Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được xử lý bằng hình thức chôn lấp trực tiếp so với lượng chất thải được thu gom giảm dưới 30%.

- Phân đấu 100% chất thải nguy hại được thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

- Tỷ lệ số khu công nghiệp, cụm công nghiệp đầu tư mới có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường đạt 100%.

- 100% khu đô thị mới, khu dân cư mới được thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt tập trung đạt quy chuẩn môi trường.

- 100% phương tiện tham gia giao thông đường bộ (gồm xe ô tô, xe mô tô, xe gắn máy) được quản lý, kiểm soát về khí thải theo lộ trình áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải của phương tiện tham gia giao thông đường bộ.

- Đầu tư hoàn thiện hệ thống hạ tầng phòng, chống thiên tai và thích ứng với BĐKH; nâng cao khả năng chống chịu và năng lực thích ứng của hệ thống tự nhiên, kinh tế, xã hội; chủ động ứng phó, giảm thiệt hại do thiên tai gây ra; đảm bảo 80% số hộ dân thuộc khu vực thường xuyên xảy ra thiên tai có nhà ở an toàn.

- Chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi theo hướng thích ứng thông minh với BĐKH; phát triển chuỗi giá trị nông, lâm, thủy sản bền vững; bảo đảm an ninh lương thực.

- Giám sát các cơ sở phát thải khí nhà kính, các cơ sở có mức phát thải khí nhà kính từ 3.000 tấn CO₂đ trở lên trên địa bàn tỉnh thực hiện giảm phát thải khí nhà kính. Tham gia phối hợp kiểm soát mức phát thải nhà kính, bảo đảm tổng lượng phát thải nhà kính theo kịch bản tổng lượng phát thải khí nhà kính quốc gia và các cam kết của Việt Nam.

- Đẩy nhanh lộ trình tham gia thị trường tín chỉ các - bon, thúc đẩy chuyển đổi xanh toàn diện.

1.2. Các nhiệm vụ

1.2.1. Nhiệm vụ chung, trong đó tập trung đề xuất một số nhiệm vụ trọng tâm, cấp bách

- Tiếp tục tuyên truyền, giáo dục, tạo sự thống nhất trong nhận thức và hành động về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng, chống thiên tai, quản lý, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả tài nguyên và bảo vệ môi trường.

- Tiếp tục hoàn thiện thể chế, chính sách, pháp luật, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về ứng phó với BĐKH, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường.

- Đẩy mạnh ứng dụng, chuyển giao khoa học công nghệ trong bảo vệ môi trường, quản lý tài nguyên và ứng phó với biến đổi khí hậu; xử lý chất thải và kiểm soát ô nhiễm. Khuyến khích áp dụng công nghệ sản xuất sạch hơn, công nghệ tiết kiệm năng lượng, tái sử dụng và tái chế chất thải, phát triển các sản phẩm thân thiện với môi trường và sản phẩm tái chế. Thúc đẩy sử dụng nhiên liệu, vật liệu mới ít phát thải, thân thiện khí hậu; tăng cường ứng dụng năng lượng tái tạo, năng lượng mới trong sản xuất và sinh hoạt. Nghiên cứu, phát triển và ứng dụng các giống cây trồng, vật nuôi có khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Thực hiện chuyển đổi xanh, thúc đẩy phát triển kinh tế tuần hoàn, chuyển đổi năng lượng công bằng; Triển khai thực hiện kế hoạch hành động quốc gia thực hiện kinh tế tuần hoàn đến năm 2035.

- Huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực cho công tác bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu; ưu tiên bố trí ngân sách địa phương và huy động tối đa nguồn lực xã hội hóa thông qua các chương trình, đề án, dự án. Xây dựng cơ chế khuyến khích doanh nghiệp đầu tư công nghệ sạch, dự án giảm phát thải; triển khai các chương trình hỗ trợ kỹ thuật và tài chính nhằm thúc đẩy doanh nghiệp chuyển đổi công nghệ theo hướng xanh, ít phát thải. Cân đối, ưu tiên sử dụng nguồn vốn chi sự nghiệp môi trường cho công tác bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu.

1.2.2. Các nhiệm vụ về bảo vệ môi trường

- Tập trung nguồn lực đầu tư xây dựng hệ thống thu gom, xử lý nước thải tại các đô thị, cụm công nghiệp, làng nghề. Xây dựng và triển khai các dự án bổ cập nước, cải tạo, phục hồi các hồ ao, các đoạn sông, kênh, rạch đã bị ô nhiễm nghiêm trọng.

- Đầu tư xây dựng đồng bộ hạ tầng kỹ thuật về phân loại, thu gom, vận chuyển, tái chế và xử lý chất thải rắn. Triển khai có hiệu quả các dự án xử lý chất thải rắn theo công nghệ hiện đại, thân thiện với môi trường, thu hồi năng lượng.

- Tăng cường bảo vệ, phục hồi các hệ sinh thái tự nhiên, đặc biệt là các hệ sinh thái rừng, đất ngập nước; mở rộng, tăng số lượng, diện tích các khu bảo tồn thiên nhiên, đồng thời có biện pháp quản lý hiệu quả đa dạng sinh học vùng đệm của các khu bảo tồn thiên nhiên. Triển khai đồng bộ các biện pháp nhằm bảo vệ các loài động vật hoang dã, đặc biệt là các loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ, các loài di cư. Thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ và giải pháp đã được đề ra trong Chiến lược quốc gia về đa dạng sinh học đến năm 2030, tầm nhìn đến 2050.

- Vận hành hệ thống thông tin cơ sở dữ liệu về môi trường, chia sẻ thông tin kết nối liên vùng, liên tỉnh.

1.2.3. Các nhiệm vụ về ứng phó với biến đổi khí hậu

- Xây dựng hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu khí tượng thủy văn của tỉnh phục vụ công tác quy hoạch, quản lý, khai thác và sử dụng hiệu quả tài nguyên khí hậu, tài nguyên nước; phối hợp xây dựng và cập nhật cơ sở dữ liệu quốc gia về BĐKH.

- Đánh giá tác động, tính dễ bị tổn thương, tổn thất, thiệt hại; xây dựng các giải pháp và triển khai các hoạt động thích ứng với BĐKH trên địa bàn tỉnh. Xây dựng kế hoạch phát triển mạng lưới khí tượng thủy văn chuyên dùng tỉnh Ninh Bình.

- Điều tra, khảo sát, thống kê số liệu hoạt động phục vụ kiểm kê khí nhà kính cấp quốc gia, cấp ngành và đề xuất các giải pháp giảm nhẹ phát thải khí nhà kính trên địa bàn tỉnh.

- Xây dựng, cập nhật quy định mức nước tương ứng với các cấp báo động lũ tại các vị trí trên địa bàn tỉnh; xây dựng chương trình Quản lý tổng hợp tài nguyên vùng bờ tỉnh Ninh Bình.

- Hoàn thiện đồng bộ hệ thống hạ tầng giao thông đô thị đáp ứng định hướng tăng dần tỷ lệ giao thông xanh, giao thông công cộng; hệ thống phương tiện giao thông công cộng được đầu tư, nâng cấp, chuyển đổi sang sử dụng năng lượng sạch, năng lượng xanh, thân thiện môi trường.

- Thí điểm và nhân rộng mô hình kinh tế xanh, phát triển kinh tế tuần hoàn, chuyển đổi năng lượng công bằng, thúc đẩy sản xuất và tiêu dùng bền vững. Phát triển mô hình khu công nghiệp sinh thái, khu công nghiệp phát thải thấp; khuyến khích chuyển dịch cơ cấu năng lượng theo hướng giảm phụ thuộc vào nhiên liệu hóa thạch, từng bước loại bỏ nhiệt điện than, phát triển năng lượng sạch, năng lượng tái tạo hướng tới bảo đảm an ninh năng lượng, giảm phát thải khí nhà kính.

- Phát triển nông nghiệp sinh thái, hữu cơ, phát thải thấp, tuần hoàn, sản xuất, phân phối và tiêu dùng thực phẩm xanh, an toàn; thúc đẩy mua sắm công xanh, giảm phát thải khí nhà kính trong các lĩnh vực, từng bước tham gia thị trường các - bon. Xây dựng và nhân rộng các mô hình nuôi trồng thủy sản bền vững thích ứng với xâm nhập mặn.

- Xây dựng nền nông nghiệp thông minh, hiện đại, thích ứng hiệu quả với biến đổi khí hậu. Đẩy mạnh tái cơ cấu nông nghiệp, phát triển nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp sinh thái; chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, nuôi trồng phù hợp với điều kiện khí hậu; phát triển nuôi trồng và khai thác thủy sản bền vững, đặc biệt vùng thường xuyên chịu tác động của thiên tai.

- Giám sát các cơ sở phát thải khí nhà kính, các cơ sở có mức phát thải khí nhà kính từ 3.000 tấn CO₂td trở lên trên địa bàn tỉnh thực hiện giảm phát thải khí nhà kính theo quy định. Tổ chức thực hiện kiểm kê khí nhà kính cấp cơ sở; định kỳ cập nhật danh mục cơ sở phát thải khí nhà kính phải kiểm kê khí nhà kính. Tăng cường tuyên truyền, hướng dẫn và khuyến khích cơ sở phát thải khí nhà kính, cơ sở sử dụng năng lượng, cơ sở phát thải khác, đặc biệt là cơ sở thuộc khu vực công, thực hiện kiểm kê khí nhà kính và giảm phát thải khí nhà kính.

- Giảm phát thải khí nhà kính trong lĩnh vực các quá trình công nghiệp và sử dụng sản phẩm công nghiệp thông qua khuyến khích ứng dụng công nghệ sản xuất sạch hơn, sử dụng hiệu quả năng lượng và nguyên liệu trong các ngành công nghiệp. Tăng cường sử dụng nhiên liệu và vật liệu thay thế thân thiện với môi trường trong sản xuất xi măng, kính, gạch ốp lát và các vật liệu xây dựng.

- Thực hiện đầy đủ cam kết quốc tế mà Việt Nam là thành viên; tăng cường hợp tác trong ứng dụng các công nghệ giảm phát thải khí nhà kính, thích ứng với biến đổi khí hậu và nước biển dâng. Phối hợp với Bộ, ngành triển khai thị trường các - bon; tổ chức các hoạt động thúc đẩy việc phát triển thị trường các - bon.

1.3. Các giải pháp trọng tâm

1.3.1. Phòng ngừa, kiểm soát và ngăn chặn từ sớm, từ xa các nguy cơ gây ô nhiễm, sự cố môi trường; dự báo sớm tác động của biến đổi khí hậu

- Nâng cao năng lực quan trắc, dự báo, cảnh báo sớm về môi trường và tác động của biến đổi khí hậu nhằm chủ động phòng ngừa, kiểm soát, khắc phục ô nhiễm, cải thiện chất lượng môi trường, bảo vệ các khu vực có yếu tố nhạy cảm môi trường, hạn chế tác động xấu đối với môi trường và sức khỏe con người.

- Kiểm soát chặt chẽ các yêu cầu về môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu đối với các dự án đầu tư từ khâu phê duyệt dự án thông qua hoạt động thẩm định đánh giá tác động môi trường, cấp giấy phép môi trường; nâng cao chất lượng hoạt động thẩm định, đánh giá công nghệ sản xuất để kiểm soát, ngăn chặn hiệu quả việc nhập khẩu công nghệ cũ, lạc hậu, có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường vào Việt Nam; nâng cao chất lượng thực hiện giám sát chặt chẽ, phòng ngừa đối với các cơ sở thuộc loại hình có nguy cơ gây ô nhiễm, sự cố môi trường cao.

- Có kế hoạch di dời các cơ sở sản xuất trong cụm công nghiệp, làng nghề gây ô nhiễm, đặc biệt là tại các cụm công nghiệp, làng nghề xen lẫn với khu dân cư tới địa điểm có quy hoạch phù hợp.

- Quản lý và bảo vệ nghiêm ngặt rừng tự nhiên; tăng cường khả năng phòng hộ của rừng ven biển; quản lý bền vững tài nguyên rừng gắn với bảo vệ đa dạng sinh học và nâng cao dịch vụ hệ sinh thái; tăng cường sự tham gia của cộng đồng trong bảo vệ, quản lý và phát triển rừng.

- Giảm phát thải trong lĩnh vực chất thải thông qua triển khai thực hiện các biện pháp quản lý, giảm thiểu phát sinh chất thải từ sản xuất đến tiêu dùng; thúc đẩy tái sử dụng, tái chế chất thải và thực hiện trách nhiệm mở rộng của nhà sản xuất. Phát triển các mô hình quản lý tổng hợp chất thải rắn; áp dụng công nghệ tiên tiến trong xử lý chất thải rắn: Chôn lấp có thu gom khí (LPG), chôn lấp bán hiếu khí, đốt rác phát điện, sản xuất viên nén nhiên liệu,... Áp dụng các biện pháp tiên tiến trong xử lý chất thải, nước thải nhằm giảm phát thải khí mê-tan. Tăng cường điều tra, thống kê, phân loại, đánh giá các nguồn thải từ đất liền, các hoạt động trên biển và đề xuất các giải pháp quản lý phù hợp.

1.3.2. Khắc phục, cải thiện chất lượng môi trường có trọng tâm, trọng điểm

- Triển khai hiệu quả kế hoạch quản lý chất lượng môi trường nước mặt đối với lưu vực sông nội tỉnh. Tăng cường thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt tại các đô thị, dân cư tập trung. Tập trung xây dựng Kế hoạch quản lý chất lượng môi trường nước mặt, đánh giá khả năng chịu tải của môi trường nước mặt đối với sông (bao gồm: sông, suối, kênh, mương, khe, rạch) và hồ (bao gồm: hồ, ao, đầm) làm căn cứ kiểm soát nguồn thải trên địa bàn tỉnh.

- Kiểm soát chặt chẽ khí thải của phương tiện giao thông cơ giới đường bộ; hạn chế phương tiện giao thông gây ô nhiễm môi trường không khí tại các đô thị theo phân vùng môi trường; thực hiện lộ trình chuyển đổi xanh phù hợp trong hoạt động giao thông vận tải gắn với đầu tư hạ tầng và các cơ chế, chính sách hỗ trợ người dân, tạo sự đồng thuận trong xã hội; có biện pháp loại bỏ phương tiện cơ giới không đủ tiêu chuẩn lưu hành gây ô nhiễm môi trường. Quản lý chặt chẽ chất thải phát sinh từ hoạt động giao thông, xây dựng, đặc biệt tại các đô thị và hoạt động đốt phụ phẩm nông nghiệp.

1.3.3. Tăng cường hiệu quả quản lý chất thải rắn và chất thải nguy hại

- Thực hiện các biện pháp thúc đẩy sản xuất và tiêu dùng bền vững, giảm phát sinh chất thải; thực hiện nghiêm quy định về thu gom, phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại hộ gia đình, cá nhân phù hợp với điều kiện, hạ tầng kỹ thuật của tỉnh; đẩy mạnh thu hồi chất thải có khả năng tái chế. Chuyển đổi công nghệ xử lý chất thải rắn sinh hoạt tiên tiến, thân thiện với môi trường, ưu tiên tái chế, xử lý chất thải kết hợp thu hồi năng lượng thay cho chôn lấp.

- Ưu tiên phát triển mạnh ngành công nghiệp tái chế, khuyến khích sử dụng, tiêu thụ các sản phẩm từ quá trình xử lý chất thải rắn để góp phần thúc đẩy kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, kinh tế các-bon thấp, hài hòa với tự nhiên và thân thiện với môi trường. Thúc đẩy các mô hình hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, liên minh tái chế, các mô hình liên kết vùng, liên kết đô thị với nông thôn và các mô hình khác nhằm phát triển kinh tế tuần hoàn.

- Phát triển và nhân rộng mô hình nông nghiệp sinh thái, nông nghiệp xanh và nông nghiệp hữu cơ; chuyển đổi cách tiếp cận từ nông nghiệp nâu sang nông nghiệp xanh; thúc đẩy ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật, công nghệ trong chăn nuôi và xử lý chất thải. Rà soát các quy hoạch nuôi trồng thủy sản để bảo đảm gắn nuôi trồng, chế biến thủy sản với mục tiêu BVMT, phát triển du lịch ven biển.

1.3.4. Nâng cao hiệu quả tuân thủ quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường

Tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát về môi trường, tập trung đối với khu công nghiệp, cụm công nghiệp và làng nghề xử lý nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường.

1.3.5. Nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu

- Phát động phong trào toàn dân tham gia bảo vệ môi trường, giảm thiểu phát sinh, phân loại, thu gom, xử lý rác thải; thực hiện công khai thông tin về môi

trường nhằm tạo điều kiện cho cộng đồng, người dân tham gia hoạt động bảo vệ môi trường; huy động sự tham gia của cả hệ thống chính trị, tổ chức xã hội vào công tác bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu; tiếp tục đẩy mạnh và đa dạng hóa các hình thức tuyên truyền, tài liệu tuyên truyền, phổ biến, giáo dục, nâng cao nhận thức, trách nhiệm của người dân trong thực hiện chính sách, pháp luật về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu, thay đổi hành vi, thói quen, lối sống và chủ động tham gia có trách nhiệm và thân thiện với môi trường; lồng ghép nội dung bảo vệ môi trường vào các chương trình giáo dục môi trường bảo đảm thiết thực, trực quan trong các cấp học và hoạt động ngoại khóa để nâng cao nhận thức cho các thế hệ trẻ từ cấp mầm non trở lên.

- Phát huy vai trò giám sát, phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức thành viên, cộng đồng dân cư trong thực hiện chính sách, pháp luật về bảo vệ môi trường, kịp thời phát hiện và kiến nghị xử lý các vi phạm về môi trường. Phát hiện và nhân rộng các mô hình, điển hình tiên tiến trong bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu; gắn tiêu chí môi trường với các phong trào toàn dân bảo vệ môi trường.

1.3.6. Tăng cường nguồn lực và hiệu quả quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu

Kiện toàn tổ chức bộ máy quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu theo mô hình chính quyền địa phương 2 cấp gắn với đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và các lực lượng khác làm việc trong lĩnh vực môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu, nhất là đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức cấp xã và các điều kiện bảo đảm đáp ứng yêu cầu đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong giai đoạn hiện nay.

II. KIẾN NGHỊ

2.1. Đối với Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư

- Đề nghị Trung ương nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 41/2004/NQ-TW ngày 15/11/2004 của Bộ Chính trị về bảo vệ môi trường trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; trong đó tăng tỷ lệ chi kinh phí sự nghiệp môi trường hàng năm lên 2 - 3% (vì mức chi 1% như hiện nay chưa đáp ứng được yêu cầu). Quan tâm chỉ đạo về chính sách ưu đãi điều tiết nguồn thu giữa ngân sách Trung ương và ngân sách địa phương để tăng nguồn vốn đầu tư cho tỉnh, đồng thời tạo điều kiện để địa phương tiếp cận với các nguồn lực tài chính trong và ngoài nước để tiếp tục thực hiện các chương trình, nhiệm vụ, giải pháp phòng, chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn, chủ động ứng phó BĐKH, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường.

- Đề nghị Ban hành Nghị quyết thay thế Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 03/6/2013 của Ban Chấp hành Trung ương phù hợp với tình hình mới.

2.2. Đối với Chính phủ, các Bộ, ngành

- Sớm thành lập Ủy ban bảo vệ môi trường các lưu vực sông trực thuộc Bộ để

triển khai các giải pháp quyết liệt, đồng bộ nhằm giảm thiểu ô nhiễm môi trường nước trên các lưu vực sông. Phối hợp với thành phố Hà Nội và các bộ, ngành có liên quan xây dựng cơ chế, chính sách đền bù thiệt hại cho các tỉnh chịu tác động, ảnh hưởng của nước thải ô nhiễm từ sông Nhuệ- Đáy.

- Ưu tiên bố trí kinh phí thực hiện cải tạo, nạo vét hệ thống sông Nhuệ- Đáy để đảm bảo nguồn nước phục vụ sản xuất và dân sinh trong lưu vực; điều chỉnh quy trình vận hành của hệ thống thủy lợi sông Nhuệ- Đáy để giảm thiểu nguồn nước ô nhiễm xuống hạ lưu; đầu tư hệ thống quan trắc tự động chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Ninh Bình mới; xây dựng quy chuẩn kỹ thuật, hướng dẫn kỹ thuật hoặc quy định khi sử dụng bùn thải làm phân bón cho cây trồng, sử dụng cát thải rắn thông thường khác làm nguyên liệu, vật liệu trong các công trình thủy lợi và hướng dẫn chi tiết việc thu gom bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng phát sinh trong hoạt động sản xuất nông nghiệp.

Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình trân trọng báo cáo./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thường trực Tỉnh ủy (để b/c);
- Ban Thường vụ Đảng ủy UBND tỉnh (để b/c);
- Đ/c Chủ tịch UBND tỉnh;
- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- CPVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, VP3, 2, 4, 8.

Q_V3

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Anh Chúc